chục chiếc tàu, nhưng ông còn có ý định mua thêm nữa. Ông bảo:

- Như thế này vẫn chưa là gì cả. Các công ty của Hoa kiều, Pháp kiều còn to hơn ta, lớn hơn ta. Ta phải làm cật lực, làm nhiều hơn để họ thấy người Nam ta không phải không biết kinh doanh trên đường sông, đường biển.

Năm 1917, ước nguyện của ông ít nhiều đã đạt được.



**Chương 7.**

# "Làm Ra Của Cải Là Một Đạo Lý Lớn!"

Sinh ra vào thời loạn lạc, lại gặp những người anh hùng đang ngày đêm dấy nghĩa, một nhà buôn như Bạch Thái Bưởi đã tự nhận trên vai mình một gánh giang san còn nặng hơn cả cơ nghiệp của ông: Làm cho rạng rỡ oai danh của người Việt trong lĩnh vực kinh doanh.

Ông đã khẳng định: Chừng nào tôi còn sống, thì người Pháp đừng nghĩ đến việc bắt chẹt chuyện đi lại của dân Việt.

## NHỮNG CHIẾC THUYỀN MANG TÊN ANH HÙNG DÂN TỘC

Năm 1917. Đây là năm nổ ra cuộc khởi nghĩa của binh lính người Việt trong quân đội Pháp đóng ở Thái Nguyên. Chủ soái chỉ huy là Đội Cấn, dưới sự tham mưu của tù chính trị Lương Ngọc Quyến. Lần đầu tiên có một tỉnh ly đã bị quân khởi nghĩa chiếm giữ, làm chủ trong vòng 6 ngày, treo cờ "Nam binh phục quốc", giải phóng toàn bộ tù nhân đang bị giam giữ... Đây là cuộc khởi nghĩa vũ trang lớn nhất, kéo dài nhất và có tiếng vang lớn nhất ở nước ta trong thời kỳ Đại chiến Thế giới lần thứ Nhất.

Có thể ghi nhận đây là cuộc "binh biến" lớn nhất kể từ năm 1884, cái năm đánh dấu chính sách dùng người Việt đánh người Việt lần đầu tiên được thực hiện ở Bắc Kỳ. Theo đề nghị của trung tướng Millot – chủ tịch Hội đồng cai quản Bắc Kỳ – ngày 12.5.1884 thực dân Pháp ký sắc lệnh chính thức thành lập hai trung đoàn lính ngụy đầu tiên. Chúng thực hiện công khai, có quy mô và buộc làng xã phải cung cấp đủ số người cho mỗi đợt bắt lính. Dù bị ép buộc cầm súng tiếp tay kẻ thù đàn áp các cuộc khởi nghĩa của người trong một nước,



nhưng nếu được giác ngộ họ sẵn sàng quay họng súng, đứng về phía chính nghĩa.

Cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên dẫu thất bại, bị thực dân dìm trong máu nhưng đã tạo ra một tiếng vang rất lớn trong dư luận, gây chấn động toàn Đông Dương. Ngay cả cụ Huỳnh Thúc Kháng, bấy giờ đang bị giam ở nhà lao Côn Đảo cũng hay tin và có bài thơ khoái trá lạ thường:

*Giữa đất bằng nghe trận sét rền*
*Tiếng gươm ngục tối dội rầm lên!*

Cái chết oanh liệt của những nghĩa quân này đã ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức của nhiều thế hệ. Sinh thời, Nguyễn Thái Học thường tâm sự với bạn bè: "Từ năm tao lên mười tuổi! Hồi ấy tao còn học chữ Nho ở nhà quê. Xong buổi học lại đi chăn trâu, và nhiều hôm chăn sang đến đồng làng bên cạnh. Làng ấy là quê ông Đội Cấn. Ông Cấn chết đi, còn để lại mẹ già. Bà cụ thương con quá, hóa như kẻ dở người. Hễ gặp chúng tao là bà cụ lại ôm choàng lấy, vừa khóc vừa nói: "Các cậu! Các cậu! Làm thế nào báo được thù cho con tôi!". Tao còn bé, mỗi khi gặp bà cụ là lòng lại bồi hồi! Rồi nghĩ, chỉ có đạp đổ chế độ thực dân mới trả hộ được thù cho con bà cụ! Ấy, tư tưởng cách mạng nẩy ra trong óc tao từ đấy!". Lớn lên, Nguyễn Thái Học đã sáng lập ra Việt Nam Quốc dân đảng, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Bái, dù "không thành công cũng thành nhân".

Với Bạch Thái Bưởi, chưa biết mặt anh hùng Đội Cấn, nhưng Lương Ngọc Quyến thì ông có nghe tên khi đến dự những buổi bình văn tại trường Đông Kinh Nghĩa Thục, vì ông Quyến là con trai của Thục trưởng Lương Văn Can. Hành động oanh liệt này khiến Bạch Thái Bưởi rất khâm phục, và suy nghĩ rất nhiều. Theo ông, mỗi người có một cách để bày tỏ tấm lòng son đối với nước non. Nếu các bậc đàn anh dám đem thân mình ra chống chọi với hòn tên mũi đạn, thì tại sao ta không dám thể hiện một bản lĩnh ngoan cường tương tự như thế?

Chính vì thế, khi hay tin công ty chuyên chở đường biển Deschwanden phá sản, ông quyết định mua nốt sáu chiếc thuyền và một số sà lan của công ty rất nổi tiếng này.

Sự việc này, xét trên bình diện của thời cuộc đang diễn ra, rất có ý nghĩa về chính trị.

Những chiếc tàu của Deschwanden dẫu là những tàu cũ và nát lắm, nhưng ông vẫn bỏ ra một số tiền lớn để tranh mua, không để lọt vào tay người Hoa, người Pháp. Nhiều người can ngăn vì sự mua bán này không có lợi về kinh tế, đó là điều mà một doanh nhân dày dạn kinh nghiệm như ông phải tránh, nhưng ông vẫn chấp nhận. Ông có lý của ông, nếu đọ về súng đạn thì người Việt ta chưa thể bằng ngoại bang, nhưng về kinh thương thì chưa hẳn họ đã họ trói chân, buộc tay được ta. Thái độ và hành động của Bạch Thái Bưởi khi mua lại toàn bộ tài sản của một công ty từng "làm mưa làm gió" trên đường thủy xứ Bắc Kỳ đã làm nhiều người Việt mát lòng hả dạ.

Không những thế, ý thức chính trị của ông cũng thể hiện rõ nét khi lấy tên của các anh hùng trong sử sách nước nhà đặt tên cho tàu của mình như Lạc Long, Hồng Bàng, Trưng Trắc, Trưng Nhị, Đinh Tiên Hoàng, Lê Lợi, Hàm Nghi...

Thật ra, khi mua lại những tàu "đồng nát" của công ty Deschwanden, Bạch Thái Bưởi còn ngầm tính đến một yếu tố khác mà không mấy ai nhìn ra. Tưởng là đắt, nhưng thật ra là rẻ. Nếu ta không nhanh tay thì chủ nợ của công ty này sẽ mua ngay. Như thế, ta phải tiếp tục đối đầu với một đối thủ cạnh tranh mới. Hơn nữa, nay có nhà máy trong tay thì ta cho sửa chữa lại, chứ có phải ném tiền xuống giếng đâu!

Đến năm 1919, công ty Bạch Thái còn mở thêm chi nhánh ở nhiều địa phương khác. Tổng số tàu lớn nhỏ của ông lên đến 30 chiếc, chưa kể đến các thuyền phụ; 20 sà lan bằng gỗ bằng sắt; 13 chiếc cầu tàu đứng, 16 chiếc cầu tàu nổi v.v... Ngoài tàu mang tên các anh hùng dân tộc, ông còn có các tàu Phi Thượng, Phi Long, Phi Hổ, Bái Tử Long, Khâm Sai, Kinh Lược, Tổng Đốc, Yên Bái, Phố Lu, Chợ Bờ...

Các tàu này chạy trên 17 tuyến đường thủy: Hà Nội - Nam Định, Hải Phòng - Bến Thủy, Hải Phòng - Nam Định, Nam Định - Nho Quan, Nam Định -

Kim Sơn, Nam Định - Bến Thủy, Hải Phòng - Hà Nội, Hải Phòng - Hòn Gai, Nam Định - Ngô Đồng, Nam Định - Lạc Quần, Hải Phòng - Móng Cái, Hải Phòng - Hải Dương, Hải Phòng - Kiến An, Hà Nội - Chợ Bờ, Nam Định - Thái Bình, Hà Nội - Tuyên Quang...; kể cả vùng thượng du Bắc Kỳ.

Nơi đến xa nhất là Bến Thủy do hai tàu Phi Hổ và Bái Tử Long đảm nhiệm. Tuyến khó đi nhất lên vùng thượng du Bắc Kỳ, do tàu Chợ Bờ đảm nhiệm. Trong số các tàu, tàu Lạc Long chạy tuyến Hải Phòng - Hải Dương là tàu chở ít hành khách nhất, chỉ 55 người; tàu chở nhiều hành khách nhất là tàu Phi Phụng chạy tuyến Hà Nội - Nam Định chở đến 1.200 người.

Với phương tiện phong phú này, Bạch Thái Bưởi nhanh chóng chiếm lĩnh được thị trường, ông nắm bắt rất nhanh nhu cầu của hành khách. Ngoài những tuyến cố định, ông còn mở thêm những tuyến vận tải theo mùa. Điều này, thấy ông rất năng động trong kinh doanh, luôn nhanh nhạy đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Chẳng hạn, đến mùa trẩy hội chùa Hương, ông mở thêm tuyến Phủ Lý - Bến Đục, hoặc tháng Tám âm lịch có hội đền Kiếp Bạc, ông mở thêm tuyến Đáp Cầu - Kiếp Bạc (4 chuyến/ngày), Hải Dương - Kiếp Bạc (1 chuyến/ngày), Phả Lại - Kiếp Bạc (15 chuyến/ngày).

Trước lúc mở tuyến đường mới, bao giờ ông cũng cho quảng cáo trên phương tiện truyền thông đại



chúng với những vần thơ nôm na, dễ nhớ. Chẳng hạn, bài quảng cáo cho tàu trẩy hội chùa Hương có đoạn:

*Chùa Hương Tích lạ thay cảnh vật*
*Chữ Nam Thiên đệ nhất đồn xa...*
...
*Quan quan, khách khách xa gần*
*Hỏa thuyền sẵn đó đưa chân đi về*
*Sông Phủ Lý gần kề cạnh bến*
*Thuyền hỏa xa vừa đến thời đi*
*Chèo Lan trỏ nẻo Đục Khê*
*Lại từ Bến Đục đưa về Hà Nam...*

Và không ít người dân lúc bấy giờ đã mang ơn Bạch Thái Bưởi, vì đã làm cho cuộc sống của họ thoải mái hơn rất nhiều khi đáp ứng nguyện vọng đi viếng chùa cầu lộc những ngày đầu xuân.

> Muốn biết chất lượng tàu của ông đã được cải tiến như thế nào, ta thử lấy tàu Bái Tử Long – thời ông mới chân ướt chân ráo bước vào nghề sông nước – so sánh. Tàu Bái Tử Long một chân vịt, nửa sắt nửa gỗ, dài 40m, ngang 6,5m, dung tích 150 tấn, chở được 160 người. Nay ông đã có nhiều tàu vượt trội hơn hẳn. Chẳng hạn, tàu Phi Phượng hai chân vịt, bằng sắt, dài 40,25m, ngang 9,2m, dung tích 300 tấn, chở được 1.200 người...

Ta có thể hình dung toàn bộ cơ sở vật chất qua các số liệu được thống kê năm 1919. Dung tích các tàu: 3.600 tấn, trọng tải: 2.000 tấn, sức mạnh

các máy ước chừng: 3.000 mã lực, tốc độ trung bình: 8 hải lý, tổng số hành khách các tàu có thể chở được: 6.643 người.

## KHÁCH HÀNG CẦN GÌ?

Thật không ngoa khi ta đánh giá Bạch Thái Bưởi là vị tướng cầm quân tài ba. Số lượng công nhân làm việc cho ông lên đến hàng ngàn, nhưng họ không biểu tình, đình công như hầu hết các công ty lúc bấy giờ. Tại Hải Phòng ngót một ngàn người, chia làm hai hạng, hạng làm việc văn phòng và ở các tàu: 271 người, hạng làm thợ trong xưởng máy: 692 người; ở Nam Định: 199 người; ở Hà Nội: 108 người; ở Tuyên Quang: 69 người; ở Bến Thủy: 59 người; ở Việt Trì: 17 người... Ngoài ra còn có những người làm đại lý, đốc công trong nhà máy, thư ký văn phòng... Thử tính số lương, ta thấy số tiền lên đến vài vạn bạc chứ không phải là ít.

Sau khi có nhà máy trong tay, Bạch Thái công ty bắt đầu tiến hành tu sửa, tân trang các tàu. Đành rằng làm việc này vì chất lượng tàu phải tốt mới có khả năng cạnh tranh với tàu của người Hoa, người Pháp, nhưng như thế vẫn chưa đủ.

Tầm nhìn của Bạch Thái Bưởi hơn người ở chỗ, ông nắm đúng tâm lý của hành khách đi tàu.



Nghĩa là trong kinh doanh, ông luôn nghĩ đến "thượng đế" để có cách phục vụ tốt nhất. Ông quan niệm, khách của mình đa phần là những nông dân như chị Dậu, anh Pha, Thị Nở, Thị Mịch, lão Hạc, Chí Phèo, thằng Mõ; là những thị dân như Kép Tư Bền, bà Phó Đoan, Xuân Tóc Đỏ... chứ không phải những bậc "thượng lưu trí thức", những "nhà tư sản", những "ông Tây mắt xanh mũi lõ"... thì "nội thất" của tàu phải phù hợp với các đối tượng trên. Vì thế các tàu của người Hoa, người Pháp sau khi mua lại, ông đều cho thay đổi lại toàn bộ. Sự thay đổi này khiến người dân quê buôn gánh bán bưng, buôn thúng bán mẹt không e ngại "đi tàu quá sang" vì sợ "chắc là vé mắc đây".

Như vậy cũng chưa đủ.

Nói gì thì nói, dù có thay đổi hình thức gì thì giá vé vẫn là yếu tố quyết định. Bạch Thái Bưởi luôn tìm cách xem xét giảm giá một cách hợp lý. Hạ giá vé chút xíu nhưng bù lại, khách đi tàu tăng gấp bội. Những năm đầu thế kỷ XX, giá vé Hải Phòng - Nam Định là 1,50 đồng, tương đương với một gánh thóc. Chỉ có nhà giàu cỡ Nghị Quế, Bá Kiến mới dám làm đôi chuyến, chứ chị Dậu, Thị Nở nào dám bén mảng đến? Với suy nghĩ đó, năm 1919, Bạch Thái Bưởi đặt giá vé cho người Việt, vẫn tuyến nói trên, như sau: ca-bin (hạng nhất): 1,00 đồng; hạng hai: 0,30 đồng, boong (hạng ba): 0,20 đồng... Ông phân ra nhiều loại giá vé khác nhau,

để phục vụ cho nhiều đối tượng, tùy theo túi tiền của họ. Đây là cách làm thông minh, không phải chủ tàu nào cũng nghĩ ra. Nhờ vậy hành khách lên xuống tàu ông đủ hạng người, đông vui như trẩy hội, đủ mọi thành phần.

Muốn được như thế, thì phải cải tiến lại tàu.

Sau khi thâu tóm toàn bộ cơ ngơi của hai công ty lừng danh Deschwanden, Marty - D'Abbadie, Bạch Thái Bưởi còn nhận cả nhân công của họ làm việc cho mình mà ông tin họ sẽ hết lòng phục vụ. Đang đứng trước nguy cơ thất nghiệp, được ông nhận vào làm, họ khác nào chết đuối vớ được phao? Như thế, lẽ nào họ không làm việc cho tử tế? Ông đã thấy được cái lợi lâu dài và trước mắt, là được sử dụng những người thợ lành nghề. Không những không mất thời gian đào tạo mà thậm chí, họ còn góp phần đào tạo tay nghề cho thợ của ta.

Nhưng không chỉ có thế.

Việc đào tạo, thu hút những tay thợ lành nghề luôn canh cánh trong lòng của Bạch Thái Bưởi. Ông đã có ý định mở trường kỹ nghệ ngay trong nhà máy. Trường này thâu nhận các em thầy thợ đang làm việc cho ông, các thanh thiếu niên yêu thích nghề máy móc, có đầu óc thực nghiệp. Đây sẽ là nguồn cán bộ, công nhân thay thế vị trí của những người đi trước lúc họ đến tuổi nghỉ việc. Tầm nhìn của ông sâu xa và có sự tính toán chiến lược, chứ không phải của một người chỉ biết "ăn xổi ở thì". Tính cách này hiếm thấy ở người kinh



doanh Việt Nam thuở ấy, do nhiều lý do, kể cả lý do bấp bênh về đời sống chính trị khiến nhiều người không dám đầu tư lâu dài. Nhưng Bạch Thái Bưởi lại nghĩ khác.

Nguồn thợ dồi dào này sẽ cùng công nhân cũ của Bạch Thái công ty sẽ làm nên nhiều "kỳ tích" đáng nể khác.

## SỨ MỆNH BÌNH CHUẨN

Có lẽ cho đến lúc cuối đời, không chỉ lực lượng công nhân mà ngay cả ông Bưởi, lão Thịnh, ông Chấn..., thậm chí các kỹ sư người Pháp cũng không thể lý giải tại sao nước Nam ta lại có người thông minh, tài trí đến thế. Đó là trường hợp quản đốc Nguyễn Văn Phúc. Ông Phúc chưa từng học chuyên môn ở trường nào cả, chỉ là chân đốc công mà lên, nhưng mọi việc trong nhà máy chỉ một tay ông chỉ huy.

Trước đây, năm 1913, khi khách hàng ủng hộ Bạch Thái Bưởi ngày càng nhiều, những tàu cũ kỹ không đủ sức vận chuyển hết thì ông đã có sáng kiến tân trang, tự nối dài thêm những chiếc thuyền cũ vừa mua được. Ông chỉ huy nối dài tàu Bái Tử Long, bằng cách cắt đôi tàu rồi nối vào khúc giữa một khúc dài 7,8m. Sau thành công này, năm 1917, ông lại cho nối dài tàu Yên Bái thêm 7m;

năm 1919 tiếp tục nối dài tàu Phố Lu thêm 7,2m nữa. Giữa các vết nối này, các tay thợ đã làm khéo đến nỗi không ai có thể phát hiện được. Có hành khách ngớ người khi bước xuống tàu quen thuộc, cứ tưởng xuống nhầm.

Nay, ông Phúc còn làm thêm những chiếc tàu mới, tự tay ông vẽ kiểu. Nhiều mẫu mã khi đưa cho kỹ sư người Pháp xem, họ đều cho là mới quá, bạo quá nhưng khi thực hiện đều thành công mỹ mãn. Ông đã cho làm mới tàu Đinh Tiên Hoàng, là tàu bánh xe bằng sắt, trọng tải 100 tấn, sức mạnh 200 mã lực; tàu Gia Long cũng là tàu bánh xe bằng sắt, cũng mã lực như vậy nhưng trọng tải tăng gấp đôi. Sự tính toán chi ly về kỹ thuật đóng tàu, về vận hành máy móc không thua bất cứ kỹ sư chuyên môn nào. Ông thường bảo:

- Ngày xưa, cụ Cao Thắng chỉ xem qua các kiểu súng của Pháp mà chế tạo ra các khẩu súng mới. Lúc ấy, cụ cùng các nghĩa quân của tướng quân Phan Đình Phùng sống trong rừng sâu núi thẳm, thiếu thốn trăm bề nhưng cụ cũng làm được. Chẳng lẽ nay ta có trong tay đầy đủ máy móc, nhưng lại không làm được như cụ à?

Công trình đáng kể nhất của ông Phúc vẫn là chế tạo chiếc tàu mang tên Bình Chuẩn, là một sự kiện gây tiếng vang rất lớn lúc đương thời.

Tài trí như ông Phúc, ý tưởng táo bạo của ông Phúc nếu không được sự ủng hộ, tán thành và đầu tư kinh phí của Bạch Thái Bưởi thì liệu có thực



hiện được không? Điều này cho thấy bản thân ông Bạch, dù là một nhà doanh nghiệp nhưng cũng có thiên hướng về công việc có tính chất sáng tạo của khoa học kỹ thuật.

Trước lúc bắt tay vào công việc, ông Phúc đã trực tiếp trình bày kế hoạch với ban quản trị của Bạch Thái công ty. Về kinh phí, thời gian thực hiện, nhân công được mọi người thông qua nhanh, vì đây là kế hoạch được sự thống nhất trong mọi thành viên, nay chỉ đợi ấn định ngày tiến hành. Cái khó nhất là đặt tên chiếc tàu này như thế nào? Đã đến khuya, nhưng mọi ý kiến vẫn chưa ngã ngũ. Cuối cùng Bạch Thái Bưởi bảo hãy để ông suy nghĩ thêm, và sẽ có câu trả lời vào ngày sớm nhất.

Sau cuộc họp, suốt đêm hôm đó ông lại trằn trọc. Mãi đến lúc gà gáy canh ba mới chợp mắt. Những trang sử nước nhà vẫn lẩn quất trong giấc ngủ chập chờn. Những ngày sau, ông vẫn chưa tìm được cái tên ưng ý. Lấy tên của danh nhân để đặt thì mình đã làm rồi, hơn nữa, nó cũng chưa có sức khái quát cho ý nguyện của ông. Lấy tên một địa danh cụ thể? Tàu của mình sẽ xông pha khắp năm châu bốn biển kia mà. Chẳng lẽ lấy tên mình? Lố bịch! Cuối cùng, ông quyết định chọn cái tên Bình Chuẩn.

Tại sao?

Khi nhắc đến Bình Chuẩn, lập tức những người yêu sử nhớ đến một nhân vật kiệt xuất có tư tưởng đổi mới triệt để dưới triều Tự Đức là Đặng

Huy Trứ. Ông là người có công đưa nghề nhiếp ảnh vào trong nước và cũng là người đầu tiên mở hiệu ảnh tại Việt Nam. Sau khi thi đậu ra làm quan, ông được nhà vua tin cậy giao nhiều trọng trách. Chính ông được triều đình nhà Nguyễn giao nhiệm vụ cải trang thành người Thanh đi Hương Cảng dò thám thực lực của người phương Tây. Tại đây, ông đã thu thập tài liệu để viết kỹ thuật vận hành của máy hơi nước. Về nước, ông chỉ huy đóng "Mẫn thỏa khí cơ đại đồng thuyền" – là chiếc tàu chạy bằng máy hơi nước đầu tiên dưới triều Tự Đức. Đối với một người theo Nho học mà có được tinh thần nhạy cảm với cái mới như thế thật đáng quý, đáng trân trọng biết chừng nào. Sau những chuyến công cán, ông đã dâng lên vua Tự Đức bản "Công cuộc tự cường tự trị ở nước ngoài" mà ông đã nhọc công tìm hiểu, nhận xét và ghi chép lại. Nếu vua tôi trong triều nghiêm túc đọc và rút ra những kinh nghiệm cần thiết để áp dụng thì hay biết bao nhiêu. Rất tiếc, đọc xong văn bản này, Tự Đức chỉ phê mấy chữ "Chuyển nội các lưu giữ"(!).

Năm 1866, khi được cử làm Biện lý bộ Hộ, Đặng Huy Trứ đã có sáng kiến xin nhà vua thành lập Ty Bình Chuẩn tại Hà Nội. Có thể ghi nhận đây là một biện pháp tích cực dưới triều Nguyễn nhằm chấn chỉnh công thương nghiệp nước nhà. Ty này có nhiệm vụ kinh doanh buôn bán, gầy dựng tài chính cho quốc gia; mở nhiều hiệu buôn (như Lạc Thanh, Lạc Sinh, Lạc Đức Điếm...) ở Hà Nội; giao



lưu hàng hóa giữa miền xuôi và miền ngược; khai thác mỏ ở Thái Nguyên; động viên sĩ phu mở đồn điền vừa sản xuất nông nghiệp vừa luyện quân; sản xuất thiếc ra nước ngoài...

Là thế hệ sinh sau đẻ muộn, Bạch Thái Bưởi chia sẻ với sự ra đời của Ty Bình Chuẩn là vì mục đích lo cho dân, cho nước và ông cũng rất tâm đắc câu nói bất hủ của người có sáng kiến thành lập: "Làm ra của cải là một đạo lý lớn, không thể coi thường". Chao ôi! Tiền nhân sống cách ta hàng mấy mươi năm trước còn có suy nghĩ như thế, thật đáng kính phục biết chừng nào! Và chiếc tàu thủy chạy biển xuyên Việt đầu tiên của Bạch Thái Bưởi đã mang trong mình nó một sứ mệnh lớn với cái tên Bình Chuẩn!

## "CHÚA SÔNG" XỨ BẮC KỲ

Công ty Bạch Thái đã huy động gần 800 công nhân làm tàu Bình Chuẩn. Lúc bắt tay vào làm cũng là lúc cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất sắp kết thúc. Nước Pháp đang thoi thóp trong cuộc chiến, vì thế hàng hóa sang Đông Dương trở nên khan hiếm. Nhiều mặt hàng không đủ cung cấp cho thị trường. Trong kỹ thuật đóng tàu rất cần đinh tán ri-vê, bu-loong... nhưng nay mua không có. Chiến tranh đang nổ ra, hàng hóa từ Pháp đến Đông Dương bị ách tắc. Nguyên liệu thiếu be thiếu bét. Nhưng trong cái khó lại ló cái khôn. Mày mò trong sách kỹ thuật, ông Phúc cùng các tay thợ giỏi nghề chế tạo ra máy sản xuất hàng loạt! Hầu hết các vật dụng để vận hành tàu đều được chế tạo tại đây. Họ đúc luôn cả nồi hơi, khung máy v.v... Theo tính toán của ông Phúc, tàu Bình Chuẩn được thiết kế toàn bằng sắt thép, dài 46m, rộng 7,2m, sâu 3,6m, hai cột trục, mỗi cột nặng 10 tấn, trọng tải 600 tấn, động cơ hơi nước 400 mã lực, vận tốc 8 hải lý/giờ. Và họ đã làm đúng như thế.

Để có thể hình dung ra không khí làm việc trong nhà máy của Bạch Thái Bưởi, ta hãy đọc lại bài ký sự của ông Quan Dục Nhân - người Hoa. Bài này được viết sau khi khi tàu Bình Chuẩn đã hạ thủy



và đăng trên các báo ở Quảng Đông như *Nhân quyền báo, Tổng thương hội báo, Đại công báo*... Nhà báo Thượng Chi đã dịch lại và cho in trên *Nam Phong tạp chí* số 32 (1920):

"... Ngày 18, ta cùng với bạn ta xuống Hải Phòng, nhân cơ hội ấy ta có đi xem các kiểu mẫu tàu của công ty Bạch Thái, nên ta mới định chí đi đến tận nơi để xem xét thử cái sự nghiệp cả công ty ấy ra làm sao.

Người bạn đưa ta đến nhà máy công ty Bạch Thái; trong công ty ấy vẫn có nhiều người Trung Hoa ta làm công. Lúc vào đến nơi thì lấy một người trong bọn Hoa công làm thông ngôn, chủ khách mừng mặt nhau rồi, ta mới bày tỏ lai ý, chủ nhân lãnh ý rồi cho người nhà đưa ta đi xem công xưởng, lúc đến nơi thì thấy có một người giám đốc đứng sẵn đón ta ở cửa, chắc hẳn chủ đã dùng điện thoại mà thông báo trước.

Kẻ xưng giám đốc xưởng ấy cũng lại là người An Nam tên là Nguyễn Văn Phúc, không hề đi du học nước ngoài, mà cũng không có bằng cấp tốt nghiệp ở trường công nghệ nào cả, mà trong tay tinh nghề thợ, làm giám đốc được một xưởng máy.

Nguyễn quân đưa ta đi xem khắp trong xưởng, khi bấy giờ đúng 9 giờ rưỡi, nhân công đương làm lụng, thợ thuyền ước được 500 người, máy móc ước được ba bốn chục bộ, máy bào, máy tiện, lò nấu, không thiếu thức gì, trong xưởng xếp đặt thật là chỉnh đốn.

Ta đi xem khắp các bộ phận ở trong xưởng rồi thì Nguyễn quân lại đưa ta ra ở đàng trước xưởng xem các tàu và xem các cừ đóng tàu với cái đà chữa tàu.

Năm nay trong xưởng ấy mới đóng được một chiếc tàu toàn bằng sắt để chạy bể, đặt tên *Bình Chuẩn*, đã làm lễ hạ thủy rồi, mà nội bộ hãy còn chế tạo trong xưởng và đương trục hai chiếc tàu lên trên đà để chữa lại: Chiếc *Hùng An* là tàu bể mà mua ở Hồng Kông đem về dùng, chiếc *Đinh Tiên Hoàng* là tàu của công ty, để chạy trong sông.

Công nghiệp như thế kể cũng đã to tát lắm mà độc một tay người An Nam kinh lý nổi, và lại chỉ dùng người bản xứ đứng giám đốc được việc chế tạo, thời đủ biết cái trình độ của người An Nam ngày nay đã lên cao mấy bực rồi.

Ta còn nghe nói công ty Bạch Thái mới mua thêm một chiếc tàu 3.000 tấn ở bên Mỹ nữa để về chạy sang Âu, Mỹ, Nhật và các nước khác, xem bấy nhiêu cũng đủ biết cái thương nghiệp của họ cũng đã có cái cảnh tượng tiến hóa hẳn rồi".

Những thông tin này là chính xác, tuy nhiên, cũng cần bổ sung thêm một chi tiết nữa. Ngoài việc đã mua thêm chiếc tàu nặng 3.000 tấn, thì Bạch Thái Bưởi còn có dự định mua thêm chiếc tàu của công ty Roque, nhưng công ty này do chính phủ Pháp trợ cấp nên việc thương lượng gặp nhiều khó khăn.

Ngày ấy, để động viên tinh thần làm việc của mọi người, ngay trong nhà xưởng, ta thấy có ghi một câu nói trứ danh của Bạch Thái Bưởi: "Trước kia ta cạnh tranh với các Hoa thương trên mặt sông, từ nay trở đi ta lại cạnh tranh với các tàu bè trên mặt biển". Ông Quan Dục Nhân nhận xét: "Ôi! Lời ấy chẳng hóa ra là lời khoa trương lắm ư. Nhưng mà cái chí tiến thủ của người An Nam cũng đáng khen vậy".

Sau gần hai năm lao tâm nhọc trí, những người thợ tài hoa Việt Nam đã hoàn thành tàu Bình Chuẩn một cách xuất sắc. Việc làm của công ty Bạch Thái đã khiến báo chí đương thời không ngớt lời khen ngợi. Chẳng hạn, báo *L'éveil Economique de L' Indochine* (1919) có đoạn viết: "Đang thời kỳ khủng hoảng mà một hãng tư nhân bản xứ đóng được những con tàu tầm cỡ như vậy, trong khi mọi thứ đều thiếu thốn, sắt thép đắt kinh khủng và chỉ bằng vốn tự có, không miễn giảm thuế, không dựa vào nhà nước, chẳng cầu cạnh ai, cũng chẳng có một chút hơi hướng tài trợ nào, hãng này tự xoay xở theo cách của mình với muôn vàn nỗ lực, đã chứng tỏ, hơn mọi lời lẽ, sức sống và sự thịnh vượng của nó".

Cảng Hải Phòng được vinh dự là nơi chứng kiến ngày hạ thủy của tàu Bình Chuẩn. Đó là ngày 7.9.1919 – đánh dấu một sự kiện trọng đại của ngành công nghiệp đường thủy Việt Nam, là hình ảnh tượng trưng cho *Phong trào chấn hưng thương trường, cổ động thực nghiệp* của giới

doanh nghiệp tư sản dân tộc nước nước Nam trong những năm đầu thế kỷ XX. Ngày đó, hàng ngàn người hiếu kỳ đã đến dự. Lão Thịnh đã thay mặt Bạch Thái Bưởi phát biểu đôi lời, sau đó Đốc lý Métaireau đáp từ.

Đây là thời điểm thiên hạ tôn vinh Bạch Thái Bưởi là "chúa sông" Bắc Kỳ.



**Chương 8.**

# GIONG BUỒM RA BIỂN LỚN

Trong *Thương học phương châm*, sĩ phu Lương Văn Can đã nhắc đến việc "toàn cầu đi lại như một nhà", kêu gọi dân ta chú trọng ngoại thương, nên học hỏi để tăng cường giao lưu buôn bán với quốc tế. Những tưởng đó là điều khó khăn muôn trùng khi dân Việt đang một cổ hai tròng, thì Bạch Thái Bưởi chính là người khẳng định "làm được" bằng những hành động thực tiễn của mình.

## SỨ MỆNH CỘNG ĐỒNG

Không riêng gì Bạch Thái Bưởi đang "làm mưa làm gió" trên thương trường mà các nhà tư sản khác cũng đang phát triển nhanh. Tại Hà Nội, công ty Quảng Hưng Long buôn hàng nội, ngoại hóa năm 1907 số vốn chỉ 3.000 đồng mà đến năm 1920 đã tăng vọt lên 200.000 đồng; công ty Vũ Văn An ngoài việc mở thêm xí nghiệp nhuộm, tẩy hấp len dạ... cũng đủ vốn mở thêm nhà máy bia; xí nghiệp dệt Lưu Khánh Vân, xí nghiệp thêu Trương Đình Long cũng mở rộng sản xuất, tăng thêm công nhân; tương tự, nhà máy ép dầu của công ty Đinh Xuân Mai, nhà máy làm vỏ hộp Ích Phong, hãng nước mắm Vạn Vân, xưởng cưa Yên Mỹ của Nguyễn Đình Phẩm, hãng xe cao su của Hưng Ký, hãng chè Tiên Long, Đồng Lương... cũng có những bước tiến bộ đáng kể. Không riêng gì Bắc Kỳ mà tại Nam Kỳ, Trung Kỳ các nhà tư sản Việt Nam cũng đang quyết liệt nhoi lên.

Trong báo cáo cuối năm 1919 của Phủ Toàn quyền Đông Dương có đoạn: "Trong các giới người bản xứ, đâu đâu cũng thấy cái ý muốn bước theo nền công nghiệp của người Pháp và tổ chức theo lề lối hiện đại". Trên báo *L'éveil Economique de L' Indochine* (1921) ghi nhận: "Những người Pháp xa Bắc Kỳ sáu, bảy năm nay quay trở lại sẽ thấy một sự thay đổi lớn. Họ đã có những cửa hàng lộng lẫy ở những phố sang trọng. Một trong những nhà in khá nhất ở Hà Nội là của người Việt Nam".



Trước sự phát triển này, Bạch Thái Bưởi là một trong nhà tư sản đã phát động một cuộc cạnh tranh mới, dữ dội, quyết liệt đối với các chủ Hoa kiều.

Theo nhà sử học Trần Huy Liệu: "Với sự phát triển về kinh tế, ý thức giai cấp cũng nẩy nở mạnh mẽ. Một trong những biểu hiện rõ rệt nhất của ý thức tư sản dân tộc đã trưởng thành thời kỳ này là thái độ của tư sản Hà Nội đối với sự chèn ép của tư sản Hoa kiều và người Pháp. Trong phong trào vận động tẩy chay Hoa kiều (chủ yếu là tư sản Hoa kiều) ở Hà Nội năm 1919, về khách quan cũng có bàn tay của tụi tư sản Pháp xúi giục, một mặt để cạnh tranh với tư sản Hoa kiều, một mặt để gây chia rẽ chính trị giữa Việt Nam và Trung Quốc, nhưng căn bản nó vẫn xuất phát từ mâu thuẫn về quyền lợi kinh tế".

Nhà sử học Trần Văn Giàu khởi đầu cho phong trào này là từ Nam Kỳ, do: "Báo *Diễn đàn Bản xứ* (la Tribune Indigène) của nhóm "Lập Hiến" Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phú Khai có đăng một bức thư (chắc là giả mạo) của một tên Lý Thiên nào đó; thư này là một bài nói rằng người Hoa kiều thóa mạ người Việt Nam. Tiếp theo bức thư đó, dưới

mắt gọi là "trung lập" của bọn Pháp, một phong trào "tẩy chay các chú" nổi lên rầm rộ ở Sài Gòn, rồi dây ra như một làn thuốc pháo đến Hải Phòng, Hà Nội và nhiều tỉnh lỵ khác như Nam Định, Phủ Lý, Thái Bình. Truyền đơn và biểu tình rất tự do trong một xứ chưa hề có tự do rải truyền đơn, hay tự do biểu tình ngoài phố. "Người An Nam không chịu gánh vàng đi đổ sông Ngô nữa", "Hãy lập cửa hàng, cửa hiệu của người An Nam", đó là những khẩu hiệu đương thời, rõ ràng những khẩu hiệu đặc sệt nội dung tư sản mà không có tí mùi vị phản đế, phản phong... Học sinh, sinh viên và con cháu các nhà tư sản Hà Nội mỗi chiều đến tập hợp thành nhóm đông đảo biểu tình ở phố Hàng Buồm. Lắm cuộc xung đột nhỏ xảy ra. Khi Pháp tính đạt xong mục đích chia rẽ và sợ sinh ra mất trật tự trị an, chúng bắt đầu bắt mấy người, xử án mấy vụ, thì phong trào "tẩy chay" tắt mất và mấy cửa tiệm ăn vừa mọc, phần lớn cũng lặn theo. Trong báo cáo chính trị của Phủ Toàn quyền cuối năm 1919, có những câu đáng chú ý:

"Phong trào tẩy chay xảy ra ở Sài Gòn này, tuy nó quá trớn nó cũng có ý nghĩa rằng tư tưởng đã đổi mới; mới đây ít năm thì người Nam Kỳ chẳng những không thích mà còn lại sợ cái việc buôn bán; bây giờ họ thấy thương mại là quan trọng cho họ và họ cần phải cố gắng trên cái hướng này".

Lại có câu:



"Những người chủ chốt trong vụ tẩy chay này (ở Bắc) nói chung là thuộc vào hạng thương gia giàu có, hạng thầu khoán lớn, đặc biệt là các ông Nguyễn Hữu Vĩnh, Bạch Thái Bưởi và ông Sen".

Đó là lần đầu tiên của tư sản Việt Nam; không chống Pháp mà chống Hoa kiều!".

Qua thông tin đáng tin cậy này, ta thấy dù có những hạn chế, nhưng qua phong trào tẩy chay, giai cấp tư sản Việt Nam đã bắt đầu ý thức được vai trò của mình trong công cuộc chấn hưng nền thực nghiệp nước nhà. Riêng cá nhân Bạch Thái Bưởi đã tạo ra hai sự kiện. Thứ nhất, ông tiên phong xướng lên phong trào tẩy chay tại Bắc Kỳ, kêu gọi người Việt Nam ủng hộ người Việt Nam; thứ hai, ông đã đóng được tàu Bình Chuẩn mà ý nghĩa của nó thì ta đã biết.

Việc làm này không chỉ người Việt, mà ngay cả các "đại gia" tư bản Hoa kiều, Pháp kiều cũng phải ngả nón kính phục, kiêng dè...

Từ lúc khởi nghiệp chỉ quanh quẩn tuyến đường thủy Nam Định - Hà Nội, Nam Định - Bến Thủy, nay tàu bè Bạch Thái Bưởi đã vươn đến Sài Gòn. Ngày 29.8.1920 là chuyến xuất phát đầu tiên của tàu Bình Chuẩn trên tuyến Hải Phòng - Sài Gòn, khi dừng lại tại Đà Nẵng được vua Bảo Đại kinh lý xuống thăm và khen ngợi. Tàu Bình Chuẩn còn có vinh dự là chiếc tàu do người Việt Nam sản xuất, lần đầu tiên chạy từ Hải Phòng vào Sài Gòn. Nó cập cảng ngày 17.9.1920. Sự kiện này làm náo

nức tinh thần của giới kinh doanh Nam Kỳ, họ cho đúc bảng đồng tặng tàu Bình Chuẩn với dòng chữ chói lọi làm kỷ niệm: “Tặng tàu Bình Chuẩn, chiếc tàu Việt Nam đầu tiên tại Cảng Sài Gòn”.

Mỗi tháng, tàu Bình Chuẩn có hai chuyến đi Đà Nẵng, Sài Gòn. Giá vé hành khách Hải Phòng - Đà Nẵng, người Tây phải trả 20 đồng; người Việt rẻ hơn, ngồi trong phòng thoáng mát 15 đồng/người, nhưng đứng trên boong chỉ 6 đồng/người. Đến Sài Gòn, giá vé người Tây 60 đồng; người Việt chỉ phân nửa và đứng trên boong thì 20 đồng/người. So với các tàu của chủ người Pháp thì giá vé của tàu này rẻ hơn phân nửa. Ngoài ra, ông lại tiếp tục mở thêm nhiều tuyến đường ở Bắc Kỳ và các tuyến vận tải đường biển và tất nhiên không chỉ dừng lại ở đó.

Đến lúc này mọi người đã thấy Bạch Thái Bưởi là người có tài quản lý, đủ sức quán xuyến, điều hành công việc một cách khoa học. Khi tham quan trụ sở của ông, nhà báo Thượng Chi nhận xét: “Xét cái cách ông xếp việc và dùng người thời thật là chỉnh đốn đâu vào đấy. (Trụ) sở ông nghiễm nhiên như một sở nhà nước không khác gì; sổ sách giấy má làm theo lối Tây cả, mà trong cách dùng người cắt việc thời có châm chước theo lối Tàu. Đi dạo qua một lượt các phòng trong sở của ông ở Hải Phòng, coi thật có phong thể lắm; buồng ông chủ, buồng thư ký, phòng giữ sổ kiểm tiền, phòng phát vé tàu, chỗ này đánh máy chữ,



chỗ kia bàn tính, người làm chật ních, khách tới tấp nập, không tòa Công sứ tỉnh nào bằng”.

## TINH THẦN “CÔNG LỆ”

Do biết cách tổ chức hợp lý, khoa học nên dù bận trăm công ngàn việc, ông vẫn đủ sức mở rộng sang nhiều lĩnh vực kinh doanh. Một việc làm tiêu biểu nhất cho sự nhanh nhạy và thức thời nhất của ông là đầu tư vào lĩnh vực in ấn, báo chí và tham gia vào các cơ quan quyền lực của nhà nước. Đây chính là nét mới thể hiện bản lĩnh chính trị, và sự hiểu biết của tư sản Việt Nam trong công cuộc đấu tranh. Họ cần có tiếng nói chính thức tại nghị trường, tại hội đồng thuộc địa, viện dân biểu cũng như trong hội đồng thành phố; cần có cơ quan ngôn luận hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi cho công cuộc kinh doanh của chính mình và giới của mình. Bạch Thái Bưởi đã bước chân vào làng báo trong thời điểm này.

Tạo một bước chuẩn bị cho công việc mới mẻ này, trước hết ông mở nhà in. Ban đầu ông bỏ ra số tiền khổng lồ là 30.000 đồng để xây dựng nhà in Đông Kinh ấn quán (Imprimerie Tonkinoise). Sau, nhận thấy sự đầu tư ấy vẫn chưa đủ sức cạnh tranh với nhà in tiếng tăm khác như Viễn Đông (IDEO), Nordemann... nên ông mạnh dạn

xuất thêm 20.000 đồng nữa trang bị thêm máy móc. Với cơ ngơi đồ sộ này, ông giao người em rể là Lê Văn Phúc quản lý. Đông Kinh ấn quán trở thành một trong những nhà in lớn và ra đời sớm nhất tại Hà Nội. Sự ra đời của một loạt nhà in lúc bấy giờ đã hình thành một lớp công nhân mới mà trong dân gian có câu đùa:

*Trông xa cứ tưởng là ông phán*
*Đến gần thì ra toán thợ in!*

Khi có nhà in trong tay, ông bắt đầu bước sang lĩnh vực thông tấn báo chí. Với mong muốn góp phần trong việc nâng cao dân trí, cổ động cho phong trào thực nghiệp và bảo vệ quyền lợi cho nền công thương Việt Nam, ông xin phép chính phủ ra tờ *Khai hóa nhật báo*. Tờ báo này số 1 phát hành vào ngày 15.7.1921, tòa soạn và trị sự ở 82 phố Hàng Gai (Hà Nội), phát hành được 1.751 số, đình bản vào ngày 31.8.1927. Cùng với *Thực nghiệp dân báo, Hà Thành ngọ báo, Đông Pháp, Nông-công-thương báo* thì lúc đó *Khai hóa nhật báo* của ông là một trong năm tờ báo phát hành hàng ngày.

Khi khảo sát tờ báo này ta thấy nó không có sự bảo trợ về tài chính của chính quyền; những nhân vật có khuynh hướng tích cực như Hoàng Tích Chu, Đỗ Thận... đã nhận trách nhiệm chủ bút, trợ bút để điều hành. Bạch Thái Bưởi không ngần ngại nói rõ tôn chỉ, mục đích tờ báo này: "Một là giúp



đồng bào ta tự khai hóa, dạy bảo lẫn nhau... mở mang con đường thực nghiệp. Hai là giãi bày cùng Chính phủ bảo hộ những yêu cầu thiết thực, chính đáng của quốc dân. Ba là diễn giải những ý kiến, những lợi ích, tác hại của các công việc Chính phủ đang làm...".

Kỳ lạ thay cho bản lĩnh của Bạch Thái Bưởi. Đời người chỉ làm được những việc như trên, kể ra đã là một sự phi thường. Nhưng không hài lòng với những gì đã có, ông còn thể hiện ý chí tiến thủ thật khủng khiếp. Với tầm nhìn của một người dày dạn kinh nghiệm trên thương trường, ông đã ý thức mở rộng nhiều lĩnh vực kinh doanh. Không chỉ làm báo, lập nhà in mà ông còn tham gia khai thác mỏ than. Trụ sở Công ty than của Bạch Thái Bưởi ở Hải Phòng nằm trên đại lộ mang tên đô đốc Amiral de Beaumont (nay là phố Đinh Tiên Hoàng).

Từ năm 1921, ông đã đầu tư khai thác hai mỏ Ăngtoan và Cađíp, với một tuyến đường sắt chở than dài 3km, sản lượng hàng năm lên đến 3.000 tấn. Năm 1925, ông còn mua thêm hai mỏ Bí Chợ và Yên Thọ, tổng cộng 1.924 ha và làm thêm tuyến đường sắt dài 5,5km. Ngoài ra, ông còn chung vốn với nhà tư sản Lê Thị Toán khai thác 450 ha ở Quảng Yên, hàng năm sản xuất được 9.500 tấn... Cùng với những công việc trên, công việc kinh doanh tàu thủy của ông cũng đang ăn nên làm ra.

Một dịp may đến với Bạch Thái Bưởi là lúc trúng

thầu chiếc tàu mang tên toàn quyền Albert Sarraut, do xưởng Ba Son (Sài Gòn) đóng. Tàu này dài 85 thước, rộng 12 thước, sức chở 3.300 tấn, trọng lượng 6.000 tấn, vận tốc 12 hải lý/giờ, công sức 12O mã lực, có bốn kho chở hàng, năm trục bốc dỡ hàng.

Tại sao chiếc tàu hiện đại thời đó được mang tên này?

Từ năm 1887, Tổng thống Pháp chính thức ký sắc lệnh quy định quyền lực Toàn quyền Đông Dương, tính đến năm 1945 – kết thúc vai trò của chính phủ Pháp tại Đông Dương – có tất cả 33 chức sắc thực dân giữ chức vụ Toàn quyền hoặc Quyền Toàn quyền. Albert Sarraut có hai lần giữ chức vụ quan trọng này vào năm 1911-1914 và năm 1916- 1919. Y là một trong những mục tiêu ám sát của các đảng cách mạng Việt Nam. Tổ chức Việt Nam Quang phục hội của cụ Phan Bội Châu năm 1912 từng phái Nguyễn Hải Thần về nước ném bom giết y, lúc y dự lễ xướng danh tại trường thi Nam Định, nhưng do chần chừ, thiếu quyết đoán nên Nguyễn Hải Thần đã không hoàn thành nhiệm vụ.

Qua tờ *Khai hóa nhật báo,* ta biết khi có chiếc tàu Albert Sarraut, Bạch Thái Bưởi tính toán kế hoạch: “Lấy Sài Gòn làm trụ sở cho tàu tải gạo và hàng hóa đi Phi Luật Tân, tới Phi Luật Tân dỡ gạo, rồi lại xếp các thứ hàng tạp hóa của Hoa Kỳ tại bản xứ đi buôn bán tại Hương Cảng và Thượng Hải... Ở Thượng Hải và Hương Cảng xếp các thứ hàng hóa hai nơi đó về Hải Phòng, từ Hải Phòng về Nam Kỳ... đi qua cõi Viễn Đông mà không chỗ nào đến nỗi phải cho tàu chạy không cả” (số báo ra ngày 18.2.1921). Từ ngày 1.6.1922, tàu Albert Sarraut đã khởi hành chuyến đầu đi Trung Quốc và Nhật Bản. Các tàu của ông lần lượt có mặt tại bến các nơi như Thượng Hải, Hương Cảng, Thiên Tân, Hán Khẩu, Ấn Độ, Phi Luật Tân, Tân Gia Ba...

Dù sống với khát vọng vượt đại dương, nhưng ý thức phục vụ cộng đồng vẫn luôn âm ỉ trong tâm thức của ông.

Trước đây, người Pháp đã làm đường xe lửa từ Cẩm Giàng về đến Phú Ninh Giang và Kẻ Sặt, không đem lại lợi nhuận bao nhiêu. Nhưng Bạch Thái Bưởi lại có cái nhìn khác. Là người xông xáo và bám sát thực địa, ông cho rằng nếu mở một đường xe lửa từ Nam Định ra Hải Phòng, qua Thái Bình thì sẽ thành công hơn vì Nam Định - Thái Bình là vùng đất trù phú, dân cư đông đúc. Hơn nữa, ông nghĩ rằng có thêm nhiều tuyến đường thì việc đi lại của người dân sẽ thuận tiện hơn. Vì thế, trong thời gian này, dù đang tung hoành ngang dọc trên đường thủy, nhưng ông vẫn đầu tư làm thêm đường xe lửa. Việc làm này sẽ khiến số lượng khách đi tàu thủy của ông ít đi, nhưng ông không toan tính sự thiệt hơn ấy.

Nhân chứng đương thời là nhà báo Thượng Chi đã đánh giá đúng: “Dẫu Bạch Thái Bưởi tính riêng

việc của ông mà thực là mưu việc công ích vậy. Những nhà doanh nghiệp lớn mà giúp được cho nước mình phú cường cũng là như thế cả. Người ta phàm mưu việc gì to lớn, biết trông rộng tính xa, thì bao giờ sự lợi ích cũng phổ cập được nhiều người, không chỉ lợi riêng một mình mình; có thể lấy cái công lệ rằng phàm việc gì có lợi cho nhiều người mới thật là lợi cho mình, nếu không lợi cho người khác, hoặc tổn hại cho người ta, thì dẫu mình có lợi thì cái lợi đó cũng không bền. Xưa nay những người buôn bán to như ông Bạch Thái Bưởi, đều là những người hiểu cái công lệ ấy và biết trông rộng tính xa cả".



**Chương 9.**

# PHÚT CUỐI Ở THƯƠNG TRƯỜNG

Quá nhiều biến động lịch sử, đặc biệt là những chính sách chèn ép kinh hoàng của thực dân nhằm bóp chết những nhà kinh doanh lớn của Việt Nam đã đẩy Bạch Thái Bưởi vào một hẻm cụt với đầy rẫy hiểm nguy. Những hành động vì nghĩa của ông đối với phong trào dân tộc, những động thái khuyến khích việc học hỏi nhằm nâng cao dân trí của ông lại càng làm bận lòng chính quyền bảo hộ.

# SÓNG GIÓ THỜI CUỘC

Đêm đã khuya. Trên nền trời xanh thẳm mọc lên những vì sao chi chít. Gió từ sông Cấm thổi vào như mang theo cả mùi muối mặn. Cây lá xào xạc ngoài sân. Bạch Thái Bưởi vẫn nghiêng đầu xuống trang giấy. Cây bút trên tay ông chạy dài những dòng chữ thẳng thắn, dứt khoát. Ông tập trung suy nghĩ, đang tính toán những số liệu cần thiết trong việc kinh doanh. Bỗng có tiếng gọi thảng thốt:

- Ông ôi! Thằng Tư chết rồi!

Ông giật mình và thấy lạnh cả xương sống! Tưởng như núi sập trước mắt. Bao nhiêu kỳ vọng vào cậu con trai đã tan theo mây khói. Nhưng rồi ông điềm tĩnh lại ngay. Quay lại thấy vợ đang sụt sùi khóc và đưa cho ông bức điện tín. Ông liếc mắt đọc. Xong, không nói không rằng gì cả, ông mở hộc tủ ném bức điện tín vào đó rồi cắm cúi làm tiếp công việc.

- Vậy là xong!

Ông tặc lưỡi như không có chuyện gì. Trước tin cái chết của cậu con trai, nhưng ông không mảy may xúc động?



Tại sao?

Chuyện rằng, một trong những bậc túc nho lừng lẫy nhất của phong trào Đông du là cụ Nguyễn Thượng Hiền. Sau khi phong trào bị đàn áp, cụ trốn sang Nhật Bản, Trung Quốc... hoạt động trong tổ chức Việt Nam Quang Phục hội của cụ Phan Bội Châu. Cảm phục ý chí và tinh thần quả cảm của một chí sĩ đang bôn ba vì việc nước, Bạch Thái Bưởi đã đem con trai thứ hai của cụ là Nguyễn Thượng Khoa đem về nuôi, cho ăn học.

Khi có điều kiện thuận lợi, ông đã cho con trai mình – Bạch Thái Tư và Khoa du học ở Pháp. Trước ngày xuống tàu viễn dương đi xa, ông bảo cả hai vào trong phòng làm việc, đưa tờ giấy và bảo ghi ra những ước nguyện sau khi học thành tài. Cả hai cùng viết và cùng hứa với ông bao nhiêu điều tốt đẹp, bao nhiêu dự tính trong tương lai. Nhưng rồi khi sang Pháp, Tư không giữ được lời, không chăm lo học tập, chỉ chơi bời lêu lổng. Ông viết thư khuyên răn mãi cũng không được. Chính vì thế, dù lúc chưa nhận được tin này thì ông cũng xem như Tư đã chết. Sống như thế, không có ý chí vươn lên để hoàn thiện bản thân mình thì chết đi vẫn hơn. Ông tặc lưỡi...

Lúc này, công việc kinh doanh đang đè nặng trên vai ông.

Thật ra, trong những tháng năm này, không riêng gì Bạch Thái Bưởi mà cả giới tư sản Việt Nam đang phải đối phó với sự chèn ép của chính quyền

thực dân. Chúng quyết không để cho người Việt thành công, lấn lướt trên thương trường. Sự giàu có của người bản xứ chỉ đem lại bất ổn cho nền an ninh tại Đông Dương. Cứ nhìn các phong trào yêu nước đang nổi lên thì rõ. Chẳng hạn, trong phong trào Đông du do cụ Phan Bội Châu khởi xướng, không riêng gì Nam Kỳ, Trung Kỳ mà ngay cả Bắc Kỳ cũng vậy. Lớp thanh niên trốn ra nước ngoài hầu hết đều được sự tài trợ, giúp đỡ của các địa chủ giàu có, của các tay tư sản có tinh thần ái quốc đang làm ăn phát đạt. Không những thế họ còn bí mật, lén lút ủng hộ kinh phí cho các "hội kín" đang hoạt động trong và ngoài nước.

Sự phát triển về kinh tế đã dẫn đến sự ý thức về chính trị, đây là một đặc điểm của xã hội đương thời mà chính quyền thực dân Pháp đã nhìn thấy. Nhiều hoạt động chính trị sôi nổi đang diễn ra, để cuối cùng sẽ là sự thành lập chính đảng của các giai cấp. Cho dù tính chất giai cấp có khác nhau, thì họ cùng có mục tiêu thống nhất trước mắt là đánh đổ giai cấp thống trị ra khỏi đất nước họ.

Năm 1926, sau khi từ Pháp về nước được ít lâu, cụ Phan Châu Trinh mất tại Sài Gòn. Dù thực dân nỗ lực, tìm mọi cách ngăn chặn nhưng đám tang của cụ vẫn trở thành quốc tang, nhằm biểu dương tinh thần dân tộc, tình cảm đối với non sông đất nước. Hồ sơ theo dõi của mật thám Pháp cho biết, trong đám công nhân, thợ thuyền của công ty Bạch Thái đã có người tham gia. Cụ thể, thay mặt



những người thợ của hãng tàu Bạch Thái Bưởi ở Nam Định, anh Trần Quang Tặng (tức Khổng) đã viếng cụ Phan câu đối:

*Truy điệu Tây Hồ nhật*
*Hoán tĩnh quốc dân hồn*
(Ngày truy điệu Tây Hồ
Thức tỉnh hồn quốc dân)

Vì thế ngoài việc đàn áp, bắt bớ những người tham gia chính trị thì phải triệt tiêu sự lớn dậy của tư sản Việt Nam.

Công ty Bạch Thái đang bị thực dân tìm mọi cách chèn ép. Năm cụ Phan mất cũng là năm công ty Bạch Thái gặp nhiều khó khăn.

Chưa rõ vì lý do gì, chiếc tàu An Nam chở 150 tấn xi măng bị chìm, gây thiệt hại ước tính lên đến 60 nghìn đồng. Đã thế, thực dân Pháp còn nghi ngờ công ty của ông có dính dáng đến tổ chức của Việt Nam Quốc dân đảng, dù chứng cứ rất mong manh.

Ngay sau khi thành lập vào đêm 25.12.1927, để tạo tiếng vang trong quốc dân, Việt Nam Quốc dân đảng quyết định ám sát tên Bazin – một tên thực dân cáo già, khét tiếng tàn ác chuyên mộ phu đi Tân Thế Giới. Nó phải đền tội. Chiều 30 Tết năm Mậu Thìn (1929), khi chiếc hơi bóng lộn hiệu Hotchkiss sơn màu bleu royal vừa về đến trước nhà riêng tại số 110 chợ Hôm (nay phố Huế - Hà Nội), Bazin chưa kịp rời khỏi xe thì có hai thanh niên

bước đến. Họ mặc Âu phục, đầu đội mũ nỉ sang trọng có dáng dấp của người trí thức. Một người lịch sự cúi vào trong xe và nói bằng tiếng Pháp:

- Thưa ông, có lá thư của một người quen gửi cho ông.

Hắn nhíu mày ngạc nhiên nhưng vẫn cầm lá thư. Hắn vừa liếc nhìn chỗ tên gửi là Hãng buôn Bạch Thái Bưởi và mở thư ra đọc – thực chất đây là bản cáo trạng dành cho hắn – lập tức một thanh niên đã rút súng ra bắn ngay vào đầu!

Cái chết của Bazin, thực dân hoảng hốt, kinh sợ bao nhiêu thì quốc dân vui sướng, hả hê bấy nhiêu. Tên "buôn người" đã đền tội đích đáng. Chỉ với bìa thư của công ty Bạch Thái còn để lại hiện trường, nên dù bọn mật thám dù không thể ghép tội ông, nhưng cũng gây nhiều khó dễ.

Con đường làm ăn của công ty Bạch Thái càng khó khăn hơn.

Sự khó khăn này còn do ảnh hưởng tàn khốc của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Từ năm 1929, cuộc khủng hoảng này bắt đầu từ nước Mỹ, rồi nhanh chóng tràn ra khắp thế giới tư bản. Tất nhiên nền kinh tế Đông Dương cũng không thể đứng ngoài. Bi thảm hơn nữa, nói như nhà sử học Trần Văn Giàu: "Đông Dương lại phải gánh một phần gánh nặng tai hại khủng hoảng kinh tế của Pháp. Đông Dương là xứ nông nghiệp, độc canh nên tai họa khủng hoảng lại càng ghê gớm. Ghê gớm hơn nữa là vì ở đây, mức sống của nhân dân



đã quá thấp từ lâu, nay lại xuống đến cùng độ, và quần chúng thì hoàn toàn không có một chút tự do dân chủ nào để đoàn kết, để đấu tranh giảm bớt sự thống khổ của mình".

Một loạt nhà tư sản Việt Nam chịu tác động mạnh mẽ của khủng hoảng kinh tế thế giới trong những năm 1929-1933; và sự chèn ép bằng nhiều thủ đoạn của thực dân Pháp đã dẫn đến phá sản. Nhà sử học Trần Văn Giàu cũng cho biết: "Bạch Thái Bưởi bị Pháp cạnh tranh và phá hoại đến nỗi tàu bị đắm, bãi than bị bãi nghiệp. Công ty sản xuất điện Lê Phát An, Phan Tùng Long cuối cùng đã bị sáp nhập vào công ty Pháp "Le Sud- Indochinois Industriel"; các công sở có lúc bị cấm không được dùng sơn của Nguyễn Sơn Hà; Việt Nam ngân hàng rút cuộc bị thu hút vào Ngân hàng Đông Dương...".

Thực dân quyết đánh gục sự trỗi dậy của một tầng lớp tư sản dân tộc Việt Nam vừa mới ngoi lên chỉ trong vòng mươi năm trở lại đây.

Không còn cách đứng vững trước sự cạnh tranh đã nhuốm màu sắc chính trị, công ty Bạch Thái tuyên bố phá sản. Đó là ngày 4.5.1929. Đây một cách rút lui kịp thời khỏi "sân chơi", không thể chần chừ được nữa. Sự chần chừ trong trường hợp này không thể cứu vãn được tình thế, thậm chí còn sa lầy tệ hại hơn.

Toàn bộ tài sản làm ăn, chắt chiu dành dụm của ông trong vòng hai mươi năm đã phải bán lại cho

đối thủ là Công ty vận tải sông biển Đông Dương do F.Sauvage làm chủ với giá 630.000 đồng.

Dù vậy, một lần nữa, ta lại thấy và khâm phục nghị lực phi thường của Bạch Thái Bưởi khi ông dũng cảm đi lại những bước đầu. Không nản chí. Không bỏ cuộc nửa chừng.

## KHÁT VỌNG TRĂM NĂM: KẾT NỐI NGƯỜI VIỆT!

Với toàn bộ số vốn đang nắm trong tay, Bạch Thái Bưởi nhanh chóng tìm hướng đi mới. Ông chuyển hướng tập trung đầu tư khai thác mỏ mà ông đã tham gia từ năm 1921.

Trong những ngày này, thời gian đối với ông là vàng bạc. Ông không cho phép mình được nghỉ ngơi. Trong thời khóa biểu của ông không có ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, ngày Tết. Dù đang mang trong người căn bệnh bị tê nửa người, nhưng sức làm việc của ông vẫn giữ phong độ như thời trai tráng. Lịch làm việc của ông sít sao, không một thời gian nào rảnh rỗi. Mặc dầu bị bệnh tim nặng, bác sĩ khuyên ông nên dành nhiều thời gian tịnh dưỡng, nhưng ông không nghe lời. Thậm chí, lúc nhà tư sản Nguyễn Hữu Thu – thông gia với ông – qua đời, vì quá say mê với công việc, ông dặn thư ký là lúc nào sắp đến giờ thì báo cho ông biết. Từ lúc thư ký báo xong, ông mới đứng dậy quần



áo chỉnh tề và khi đến nơi thì xe tang đã đi một quãng xa...

Quyết vực dậy sự sống còn của công ty khai thác mỏ, ông thực hiện chính sách “săn đầu người” nhằm thu hút nhân tài. Về chuyên viên kỹ thuật, ông cho người sang Pháp ký hợp đồng với sinh viên tốt nghiệp loại giỏi về chuyên ngành hầm mỏ; ký hợp đồng với chuyên viên nước ngoài vào làm sếp mỏ... Thể hiện nhiều sự năng động, toàn tâm toàn ý trên lĩnh vực mới nên ông gặt hái được thành công đáng kể. Sản phẩm than của ông không những tiêu thụ mạnh ở trong nước mà còn xuất khẩu sang cả thị trường Pháp, Nhật... Với kinh nghiệm từng trải, lịch lãm trên thương trường, ông biết công ty mình còn phải nỗ lực nhiều hơn nữa. Nếu không, về lâu dài khó cạnh tranh nổi với Công ty Than mỏ Bắc Kỳ SFCT (Sociéte Francaise des Charboneges du TonKin) của Pháp – có quy mô khai thác than lớn nhất Đông Dương.

Công việc đang tiến hành một cách khẩn trương thì ngày 22.7.1932 Bạch Thái Bưởi lên cơn đau tim dữ dội. Linh tính báo trước có một điều không hay đang dần dần đến. Dù đang nghẹt thở nhưng ông còn kịp mở mắt nhìn qua các bảng hiệu của tàu của người Hoa, người Pháp đang treo trong phòng. Chao ôi! Chứng tích của một thời lừng lẫy vẫn còn uy nghi và đem lại cho ông một niềm tin, một sức mạnh lạ thường. Ông mỉm cười. Một nụ

cười mãn nguyện. Như nụ cười của người thủy thủ trở về bến bờ bình yên sau những ngày xông pha sóng gió trùng dương. Lấy hết sức bình sinh, ông dặn dò các con và những người tâm phúc từng gắn bó:

- Ta còn phải phấn đấu để cho ngọn cờ của công ty người Việt Nam ta phất phới trên năm châu bốn biển, để cả thế giới biết đến tài trí của con người Việt Nam.

Trăn trối xong điều tâm huyết nhất, Bạch Thái Bưởi xuôi tay nhắm mắt. Con người tiên phong trên con đường "chấn hưng thương trường, cổ động thực nghiệp", tiêu biểu cho của giới doanh nghiệp tư sản dân tộc nước Nam trong những năm đầu thế kỷ XX đã về cõi thiên thu, thọ 58 xuân. Ngày 28.7.1932 ông được an táng tại sở mỏ than Bí Chợ (Quảng Yên), gần núi Yên Tử – cách Hải Phòng chừng năm chục cây số.

Thương tiếc Bạch Thái Bưởi, nhiều trí thức, doanh nhân bấy giờ đã bày tỏ niềm cảm phục sâu sắc. Ông Hội trưởng Hội khai Trí Tiến Đức đã đọc điếu văn: "Ông là một nhà thực nghiệp nhưng rất nhiệt thành về các công việc xã hội. Phàm công cuộc gì tỏ ra cái nghĩa đoàn thể, cái chí hợp quần của người mình, ông cũng sốt sắng mà tán thành. Ông muốn cho người Nam ta cũng biết hội họp nhau để mưu tính những việc công ích như người các nước, khỏi mang tiếng là một dân tộc rời rạc, không biết tương thân tương ái với nhau. Bởi thế



nên khi mấy anh em đồng chí bàn muốn lập một cái đoàn thể lớn để tiêu biểu cho quốc dân, ông vui vẻ nhận lời ngay, và liền xuất tài xuất lực, cổ động cho thành...

Nước Nam ta vẫn mang tiếng là một nước văn nhược, không đủ tư cách ra cạnh tranh với cái đời thực nghiệp này. Ông đem cái tài doanh nghiệp, cái chí kiên gan mà tỏ cho thiên hạ biết rằng An Nam cũng có người có trí khôn, có nghị lực, kinh lý được những sự nghiệp lớn về công thương, chẳng kém gì người ngoài. Mà ông làm được thành công, khiến cho thiên hạ phải phục.

Cái sự nghiệp kinh doanh của ông, cái nhân cách gan góc mạnh bạo của ông, cái đức tính kiên nhẫn cần cù của ông thực đáng làm gương cho quốc dân noi theo.

Nhưng đáng phục hơn là cái chí khí của ông, vì ông không phải là nhà doanh nghiệp thường. Ông thủy chung vẫn mang nặng một tấm lòng vì nước, vì nòi, ai biết ông cũng phải công nhận như vậy.

Cho nên hậu thế bình tĩnh mà xét lại công nghiệp của ông, tất không ngần ngại mà phê một câu rằng: Họ Bạch thật là một bậc vĩ nhân ở đất Bắc, một bậc trượng phu trong thương trường".

Than ôi!

*Mây mờ cửa Cấm*
*Gió lạnh ngàn Yên*

Ông Bạch nay đã theo mây theo gió mà đi về nơi mỏ cũ bến xưa...".

**Chương kết.**

# Người Biến Tư Duy Thành Hiện Thực

Phong trào đổi mới xuất phát từ các trí thức cấp tiến những năm đầu thế kỷ XX đã đạt đến đỉnh cao khi Bạch Thái Bưởi công khai biến tất cả những tư tưởng, lý luận và sách vở của họ thành hiện thực. Ông đã góp phần thổi luồng gió lạ vào xã hội thuần nông, vào tinh thần nhược tiểu, vào tiếng kêu trầm uất của một dân tộc... Một khát vọng đổi thay, cường mạnh không thua kém bất cứ một giống nòi nào khác...

## NHỮNG NGƯỜI ĐƯƠNG THỜI

Thời đó, phương ngữ Nam Kỳ có câu "*Nhất Sĩ, nhì Phương, tam Xường, tứ Định*".

"Nhất Sĩ" tức Lê Phát Đạt, thuở nhỏ được một linh mục gửi sang Pénang học tiếng Latinh, nhưng do trùng tên với thầy nên đổi tên Sĩ. Cơ hội làm giàu là sau trận bão năm Giáp Thìn (1904) tại Nam Kỳ nông dân xiêu tán, ruộng đất bỏ hoang, không người cày cấy nên chính quyền thực dân Pháp phát mãi ruộng đất vô thừa nhận với giá rẻ, về sau mua chức hàm nên được gọi Huyện Sĩ. Có điều thú vị, con gái út Huyện Sĩ là Lê Thị Bình lấy một hào phú ở Gò Công là Nguyễn Hữu Hào, sinh ra Nguyễn Hữu Thị Lan. Về sau cô Lan được Bảo Đại chọn làm vợ và trở thành Nam Phương hoàng hậu.

"Nhì Phương" tức Tổng đốc Phương, tên thật Đỗ Hữu Phương (1840-1914). Do cộng tác với thực dân Pháp nên được thăng Tri huyện, Đốc phủ sứ rồi thăng hàm Tổng đốc, từng được thưởng Tam đẳng bội tinh, ân sủng tột bực. Sau khi được Pháp cho khẩn trưng 222,3 mẫu ruộng đất, Phương "phất' lên rất nhanh và trở nên giàu có, nhập làng Tây. Phương biết ít nhiều chữ Hán, bập bẹ được đôi chút tiếng Tây và lại thích... làm thơ! Trong nhà



của Phương có treo bức hoành và thách ai làm vế đối lại hoàn chỉnh nhất thì được thưởng tiền:

> *Đất Chợ Lớn có nhà họ Đỗ. Đỗ một nhà ngũ phúc tam đa*

Dụng ý của Phương là khoe mẽ năm con trai Chơn, Trí, Thinh, Vị, Chẩn và ba gái Sanh, Nhân, Dần đều thành đạt. Trong số những người con của Phương, có lẽ đến nay Vị – đại úy phi công Pháp, vẫn còn người nhớ tên, vì một thời trường Cơ khí châu Á tại Sài Gòn (nay là trường Kỹ thuật Cao Thắng - TP.Hồ Chí Minh) mang tên Đỗ Hữu Vị (!?). Căm ghét kẻ ra hợp tác với "tân trào" đàn áp phong trào kháng chiến, nay giàu có hợm mình, tương truyền trước câu đối trên danh sĩ Nam Kỳ - cụ Phan Văn Trị đã làm lại vế đối:

> *Cù lao Rồng có lũ thằng phun. Phun một lũ cửu trùng bát nhã.*

"Phun" trùng âm với "phung" theo cách phát âm của người Nam Bộ. Đem "nhà họ Đỗ" mà đối với "lũ thằng phung" (là lũ cùi, hủi – một căn bệnh nan y thời đó, ai nấy đều tránh xa) thì quả độc địa.

"Tam Xường" tức Lý Tường Quan, tên tục là Xường, thường được gọi Bang Xường hoặc Hộ Xường. Học xong trường thông ngôn, Xường cộng tác với Pháp nhưng lại xin về hưu non lúc mới ngoài 30. Dựa vào thế lực của Pháp, Xường bước vào thị trường mua bán đất và nắm độc quyền lúa gạo và các nguồn lợi khác từ đồng bằng sông Cửu

Long đưa về Sài Gòn nên nhanh chóng giàu sụ! Lúc nhắm mắt về nơi chín suối, Xường được vợ xây mộ lớn bằng đá xanh "hao phí hơn bạc muôn". Tài sản để lại nhiều nhưng do con cái tranh giành, cấu xé, chia chác chẳng bao lâu "của thiên trả địa"!

"Tứ Định" tức bá hộ Trần Hữu Định làm giàu bằng cách mở tiệm cầm đồ, kinh doanh đất đai, xuất khẩu vải sợi nhờ gặp thời nên giàu to. Ngôi biệt thự của Định xưa nằm ở chỗ chợ Kim Biên - Bình Tây hiện nay. Trước khi về suối vàng, bá hộ Định để lại nhiều tiền của, nhưng con cháu không biết giữ, "ngồi mát ăn bát vàng", chẳng bao lâu tài sản cũng sạch sành sanh!

Ngoài câu trên, trong dân gian ở đất Sài Gòn xưa cũng có câu tương tự "*Nhất Hỏa, nhì Đàm, tam Xường, tứ Ích*"; hoặc "*Đi tàu chú Hỷ, ở phố chú Hỏa*".

"Nhất Hỏa" tức Hoàng Trọng Sinh (1845-1901), gốc người Phúc Kiến (Trung Hoa), khi giàu có gia nhập làng Tây mang tên Jean Hui Bon Hoa. Lúc mới khởi nghiệp, chú Hỏa hùn hạp với người Pháp chuyên khuếch trương các tiệm cầm đồ nên "phất" nhanh chóng! Tiền lại đẻ ra tiền, chú Hỏa kinh doanh bất động sản và cất nhà cho thuê, mở Công ty Hui Bon Hoa. Hiện nay, khu tứ giác Phó Đức Chính - Nguyễn Thái Bình - Lê Thị Hồng Gấm - Calmette nguyên là đất của chú Hỏa; hoặc nhà thương Từ Dũ được xây năm 1938- 1939 là phần đất hiến của chú Hỏa...



"Nhì Đàm" tức Quách Đàm (1863-1937), dấu tích còn để lại cho đến ngày nay là chợ Bình Tây do ông bỏ tiền ra xây cất và dãy nhà quanh chợ. Trước đó, những người Hoa di cư sang Việt Nam đã lập ra một cái chợ (tại địa điểm Bưu điện Chợ Lớn ngày nay) lớn nhất thời đó nên dân chúng gọi là Chợ Lớn, chợ này hình thành vào khoảng năm 1679 đến 1731. Nắm được nhu cầu bức xúc của tiểu thương, năm 1928, Quách Đàm bỏ tiền ra mua một khu đất rộng 26.357 mét vuông ở thôn Bình Tây để xây dựng một chợ mới. Chợ khai trương ngày 14.3.1930, ta quen gọi là chợ Bình Tây hoặc Chợ Lớn mới. Trong chợ này, trước năm 1975, có dựng tượng đồng Quách Đàm, nay không còn nữa. Lúc giàu có, ngoài việc lập hãng Thông Hiệp kinh doanh tàu chở khách đường biển, Đàm còn đứng ra bảo lãnh cho con nợ ngân hàng để ăn hoa hồng...

"Chú Hỷ" cũng là người giàu sụ, có tàu chạy khắp Nam Kỳ lục tỉnh, công cuộc kinh doanh chỉ nhằm đạt mục đích làm giàu, thu vén cho riêng mình nên không ai buồn nhớ đến tên thật là gì!

Nối gót những đại gia trên, tại Sài Gòn trong những năm 1954-1975, ta thấy còn những doanh nghiệp khác cũng giàu có không kém với nhiều ngành nghề kinh doanh khác nhau như Hoàng Kim Quy (kẽm gai), Mã Hỷ (lúa gạo), La Thành Nghệ (dược phẩm), Lý Long Thân (sắt phế thải), Trần Thành (bột ngọt), Trương Vĩ Nhiên (xuất

nhập phim), Lâm Huê Hồ, Nguyễn Tấn Đời (tín dụng, ngân hàng), Vương Đạo Nghĩa (kem đánh răng), Trương Văn Khôi (xà phòng bột), Nguyễn Công Kha (hóa chất) v.v...

Đương thời với Bạch Thái Bưởi ta thấy nổi lên nhiều nhà tư sản như Trương Văn Bền, Nguyễn Hữu Thu, Ngô Tử Hạ, Hồ Tá Bang, Lê Phát An, Nguyễn Văn Của, Nguyễn Sơn Hà... Nhưng chỉ rồi dăm ba người được hậu thế ngưỡng mộ nhớ đến, trong đó nổi bật nhất có Bạch Thái Bưởi.

## BÀI HỌC CHO HẬU THẾ

Vậy đâu là bài học thương trường từ sự nghiệp kinh doanh của Bạch Thái Bưởi?

Ta có thể nhận ra, bản lĩnh của ông đã thể hiện ở chín bài học: dám đi bằng đôi chân của mình, dám tận dụng thời cơ, dám tin người, dám tiếp thu Tân thư, dám vận dụng tinh thần yêu nước, dám cạnh tranh đến cùng, dám sáng tạo, dám mở rộng thị trường kinh doanh và dám đi lại từ đầu.

Những bài học này đến nay vẫn chưa lỗi thời.

Trong sự nghiệp của ông, đáng lưu ý và ghi nhận là ở chỗ, bằng tài năng, kinh nghiệm trên thương trường Bạch Thái Bưởi đã góp phần tích cực thay đổi cái nhìn không thiện cảm về doanh nhân trong những năm đầu thế kỷ XX. Nếu các



nhà nho cấp tiến, các nhà Tây học có công cổ vũ, hô hào, tuyên truyền cho một tư tưởng mới thì ở Bạch Thái Bưởi cùng nhiều nhà tư sản dân tộc lại có công biến nó thành hiện thực, thành những việc làm cụ thể.

> Khi xét một nhân vật không thể tách ra ngoài không khí chính trị và bối cảnh xã hội đương thời. Để thấy được vai trò to lớn của họ, ta hãy đọc bài viết “Nghề buôn dưới mắt người Việt” của nhà nghiên cứu Đào Hùng: “Nếp nghĩ coi rẻ nghề buôn, có lẽ đã tồn tại từ lâu trong tâm thức người Việt. Ở đây có hai lý do: một là do những thành kiến nghề nghiệp của chúng ta; hai là do chính bản thân nghề buôn gây nên, người đi buôn không coi đó là một nghề cao quý. Giở lại bộ sưu tập truyện cổ tương đối hoàn chỉnh *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* của Nguyễn Đổng Chi – ta thấy trong số một trăm sáu chục truyện chỉ có hai truyện nói đến nhân vật lái buôn. Đó là truyện *Mụ Lường* và *Đồng tiền Vạn Lịch*, mà cả hai truyện đều nói đến cái xấu xa của những người đi buôn. Trong khi đó, nếu so sánh với bộ truyện cổ *Nghìn lẻ một đêm* của văn học Á Rập, thì ta thấy nhân vật lái buôn có mặt khắp nơi, mà họ là những người đáng kính, đại diện cho đức tính: trung thực, dũng cảm, khôn ngoan, có học.

Một nhà nghiên cứu văn học Việt Nam ở Mỹ, gần đây có làm một bảng phân loại các truyện Nôm khuyết danh thế kỷ XVII, căn cứ theo đề tài của truyện đã xếp ra các loại sau: truyện có xu hướng chính trị, truyện phong tục, truyện về khát vọng

của phụ nữ, truyện tình chung thủy, truyện anh hùng, truyện có xu hướng Phật giáo, truyện tâm lý, truyện hài, truyện dị thường, truyện lịch sử. Người ta chỉ thấy trong những truyện này các nhân vật nho sĩ, quan lại, cung nữ, chinh phụ, nhà nông và tiều phu, tuyệt nhiên không có mặt nhà buôn. Có lẽ tên lái buôn duy nhất có mặt trong truyện thơ là "thằng bán tơ" trong *Truyện Kiều*, lại là một kẻ gây tai họa cho dân lành.

Cuốn *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ là tập bút ký hiếm hoi trong kho sách văn học Việt Nam nói đến sinh hoạt đô thị ở Thăng Long cuối thế kỷ XVIII. Trong tập này, ông đề cập đến hoạt động buôn bán ở kinh thành như là những chuyện lừa đảo và ăn cắp. Bản thân tác giả, tuy theo cha mẹ lên kinh thành từ nhỏ, nhưng không bao giờ tự nhận mình là người thị thành. Ông cứ luôn nhắc đến cái làng quê xa xôi nơi ông ra đời với đầy nỗi luyến tiếc. Ông không hề tự hào được làm người dân chốn kinh đô. Cái tâm lý coi khinh thành thị, coi rẻ nghề buôn của tầng lớp nho sĩ, tất ảnh hưởng lớn đến đa số dân chúng.

Cần nói thêm rằng vì không có tầng lớp thương nhân lớn, có một nếp sống riêng, một tâm lý riêng, tác động đến đời sống chung của xã hội, nên đô thị Việt Nam xưa vẫn giữ truyền thống sinh hoạt của làng xã, với hội hè đình đám quen thuộc với người nông dân. Nếp sống đô thị, mặc dầu đã hình thành ở Trung Quốc từ đời Tống, vẫn không



có ảnh hưởng đến nước ta. Cho đến cuối thế kỷ XIX, chúng ta vẫn chưa có những loại hình sinh hoạt đặc thù của đô thị như sân khấu chuyên nghiệp, tiểu thuyết, hội họa... Và nếu như loại truyện phiêu lưu và du ký là sản phẩm của những nhà thám hiểm – mà trước hết là những nhà buôn – được phát triển sớm ở những dân tộc buôn bán giỏi như người Trung Hoa, người Anh, người Hà Lan, người Árập... thì ở nước ta, đến tận ngày nay, hình như vẫn còn vắng bóng.

Cái tâm lý coi rẻ nghề buôn đó đã khiến chúng ta không xây dựng được cho mình một truyền thống tốt đẹp trong việc buôn bán. Chúng ta thiếu một cơ sở đạo lý của nghề buôn, mà thậm chí còn coi nghề buôn là đồng nhất với sự lừa lọc. Đó cũng là một biểu hiện của tâm lý tiểu thương, chỉ nghĩ đến việc kiếm lời bằng mánh khóe thủ đoạn, không có một tầm nhìn xa trong kinh doanh..." (*Xưa & nay* số 4(05) tháng 7.1995).

Trong bối cảnh như thế, Bạch Thái Bưởi sau khi tiếp thu Tân thư, ông đã mạnh dạn đứng ra kinh doanh thành công trong nhiều lĩnh vực. Khi quốc dân thay đổi cách đánh giá, nhìn nhận vai trò của doanh nhân trong nước thì đâu là đóng góp lớn nhất của ông?

Điều cốt lõi này, ta có thể thấy qua bài học "dám vận dụng tinh thần yêu nước" mà ông đã khởi xướng trước nhất. Nếu không thiện cảm với nghề buôn, không thay đổi quan niệm về nghề buôn thì

liệu quốc dân có ủng hộ ông một cách mạnh mẽ, đồng lòng như thế không? Đành rằng, trong sự ủng hộ này còn có tinh thần tương thần tương trợ, nghĩa đồng bào, người trong một nước... Nhưng nếu tư cách kinh doanh, đạo đức kinh doanh... của ông đi ngược lại những điều đã nói thì liệu có thuyết phục được lòng tin của đồng bào?

Thêm một kinh nghiệm sống còn, một bài học quý báu của Bạch Thái Bưởi để lại cho đời sau chính là suy nghĩ của ông về mục tiêu làm giàu. Nếu chỉ bo bo thu vén để giàu nứt đố đố vách, thu vén cho riêng cá nhân mình như biết bao nhà tư sản khác, thì ngày nay không mấy ai buồn nhắc đến tên tuổi của ông nữa, bởi cái giàu ấy nghĩ cho cùng cũng chỉ là "giàu như Thạch Sùng" mà thôi.

Sự nghiệp làm giàu của ông bền vững, ngày càng phát đạt vì ông biết đặt mục tiêu kinh doanh trong nhu cầu và lợi ích chung của cộng đồng. Qua đó, ông muốn chứng minh cho người nước ngoài thấy rằng, người nước Nam ta không thua kém ai trên thương trường. Người nước Nam có thể sánh vai với các nước năm châu trên nhiều lĩnh vực. Khi Bạch Thái Bưởi đặt mục tiêu cao cả ấy trong lĩnh vực kinh doanh, xông pha trên thương trường thì không chỉ đương thời, mà hậu thế cũng phải ngưỡng mộ và khâm phục bản lĩnh, ý chí của ông.

Bài học này rất có ý nghĩa thời sự cho giới doanh nhân Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay.



# PHỤ LỤC

## DOANH NHÂN, DOANH NGHIỆP TRONG TÂM THỨC NGƯỜI VIỆT

**1.** Thử đặt câu hỏi, ai là thương nhân đầu tiên của nước Việt và trong tâm thức của người Việt ai là vị thần linh bảo hộ nghề buôn bán?

Xưa nay trong tâm thức dân gian Việt Nam, có bốn vị thần linh được tôn vinh "tứ bất tử"- biểu tượng cho sự trường tồn, bất diệt của dân tộc ta: Đức Thánh Tản (Sơn Tinh), Chử Đạo Tổ (Chử Đồng Tử), Đức Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương) và Đức Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Về vị thần linh Chử Đồng Tử, trong các thư tịch sách cổ của nước ta đều có ghi chép rõ ràng. Trong *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện* có truyện *Nhất Trạch Dạ* (theo bản dịch của Viện Nghiên cứu Hán Nôm - *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam* - NXB Thế Giới - 1997) như sau: "Hùng Vương truyền đến đời vua thứ ba thì sinh được một gái tên là My nương Tiên Dung, mười tám tuổi, dáng người xinh đẹp, không muốn lấy chồng, chỉ ham dạo chơi, thích tuần du trong thiên hạ, vua yêu chiều nên cho nàng tùy ý. Mỗi năm vào khoảng tháng hai tháng ba, sắm sửa thuyền bè lênh đênh chơi nơi hải ngoại, đôi lúc mải vui quên cả về.

Bấy giờ ở hương Chử Xá có Chử Vi Vân sinh ra Đồng Tử, hai cha con tính vốn từ, hiếu. Nhà gặp



hỏa hoạn của cải sạch sanh, chỉ còn lại một chiếc khố vải, hai cha con ra vào thay nhau mà mặc. Đến lúc cha già, lâm bệnh, bảo Đồng Tử rằng:

- Cha chết thì cứ để truồng mà chôn, giữ khố lại cho con, may khỏi xấu hổ.

Nhưng đến khi cha mất, Đồng Tử cứ lấy khố liệm chôn, còn mình thì thân thể trần truồng, đói rét khổ sở. Đi đến bên sông cầm cần câu cá, mỗi khi thấy có thuyền buôn thì xuống dưới nước đứng xin ăn.

Không ngờ thuyền Tiên Dung đột nhiên tới. Nghe tiếng chiêng trống sáo kèn, thấy đầy những nghi trượng cờ quạt, Chử Đồng Tử kinh sợ, không biết chạy núp vào đâu. Trên bãi cát có một chòm lau lơ thơ ba bốn gốc, bèn vào ẩn tránh trong đó, moi cát thành hố để giấu thân, lại lấy cát phủ lên trên. Trong khoảnh khắc, thuyền của Tiên Dung xốc tới, bèn đậu ở đấy để lên bãi dạo chơi, rồi ra lệnh quay màn chung quanh chòm lau làm nơi tắm gội. Tiên Dung vào trong màn cởi áo tắm rửa, dội nước làm cho cát dạt đi, lộ ra thân hình Đồng Tử. Tiên Dung kinh ngạc, nhìn một lúc lâu biết đó là người con trai, Tiên Dung nói:

- Ta vốn không muốn lấy chồng. Nay gặp người này ở trần truồng chung một hố, ấy là trời khiến như thế. Chàng nên mau dậy tắm rửa đi.

Ban cho áo quần, rồi bảo xuống chung một thuyền, ăn uống tiệc tùng vui vẻ. Người trong thuyền ai nấy đều cho là cuộc gặp gỡ tốt đẹp xưa

nay chưa hề có. Đồng Tử nói hết lý do vì sao đến đây. Tiên Dung bùi ngùi than thở, bảo chàng cùng kết duyên vợ chồng. Đồng Tử từ chối. Tiên Dung nói:

- Sự việc gặp nhau xui ra như thế, đừng cố chối từ nữa!

Những kẻ theo hầu vội về tâu với Hùng Vương. Vua giận nói:

- Tiên Dung không tiếc danh tiết, không tiếc của cải của ta, rong chơi ngoài đường, hạ mình lấy người nghèo, còn mặt mũi nào thấy ta nữa. Từ nay mặc mày muốn làm gì thì làm, không được trở về nữa.

Tiên Dung nghe sợ, không dám về, bèn cùng Đồng Tử mở quán chợ, lập phố xá, mua bán với dân, liền thành cái chợ lớn (chợ Thám).

Thương nhân nước ngoài tới lui buôn bán, kính thờ Tiên Dung - Đồng Tử làm chúa. Có một khách buôn lớn đến bảo Tiên Dung rằng:

- Quý nhân hãy bỏ ra một dật vàng, năm nay cùng thương nhân nước ngoài mua vật quý, sang năm được lãi mười dật.

Tiên Dung nghe ngóng, bảo Chử Đồng Tử rằng:

- Vợ chồng ta là bởi trời mà nên, cái ăn cái mặc là do người làm lấy. Nay nên mang một dật vàng cùng thương nhân ra nước ngoài mua vật quý để buôn bán sinh sống.

Đồng Tử bèn cùng thương nhân đi buôn bán, lênh đênh khắp nước ngoài. Có núi Quỳnh Vi, trên



núi có am cỏ. Thương nhân ghé thuyền vào múc nước, Đồng Tử lên am dạo chơi. Trong am có một tiểu tăng tên Phật Quang truyền phép cho Đồng Tử. Đồng Tử bèn lưu lại đấy để học phép, đưa tiền cho thương nhân mua hàng. Thời gian sau, thương nhân quay trở lại, tới am để chở Đồng Tử về. Tiểu tăng tặng cho Đồng Tử một cây gậy một chiếc nón lá và bảo:

- Các phép linh dị thần thông đã ở đây cả rồi!

Đồng Tử về, đem đạo Phật nói hết với Tiên Dung. Tiên Dung giác ngộ, bèn bỏ cả quán chợ, nghề buôn để cùng Đồng Tử tìm thầy học đạo. Có một hôm đi xa, trời tối chưa kịp đến nhà, tạm nghỉ lại dọc đường, dựng gậy úp nón để tự che thân. Đêm đến canh ba, hiện ra đủ các thứ thành quách, lầu châu điện ngọc, đài các lang vũ, phủ khố miếu xã vàng bạc châu ngọc, giường chiếu trướng màn, kim đồng ngọc nữ, tướng sĩ thị vệ la liệt trước mắt. Sáng hôm sau, ai trông thấy cũng kinh ngạc, liền đem các thứ hương hoa ngọc thực đến dâng, xin làm bề tôi. Từ đó có trăm quan văn võ, chia quân túc vệ, riêng thành một nước.

Hùng Vương nghe tin, cho là con gái làm loạn, bèn đem quân đi đánh. Khi quân Hùng Vương sắp tới nơi, quần thần xin được lệnh đem binh chống giữ. Tiên Dung cười nói:

- Không phải do ta làm, chính là trời khiến vậy. Sống chết tại trời, con đâu dám chống lại cha. Cứ tin theo lẽ đúng, mặc cho chém giết.

Bấy giờ những dân cư mới tới đều sợ chạy tứ tán, chỉ có dân cũ ở lại cùng Tiên Dung. Khi quân Hùng Vương đến, đóng doanh trại ở châu Tự Nhiên, còn cách một con sông lớn, thì gặp trời tối, chưa kịp tiến quân. Đến nửa đêm, bỗng nổi gió to, nhổ cây tung cát, quân Hùng Vương hỗn loạn. Tiên Dung, Chử Đồng Tử cùng quần thần, bộ hạ, thành quách phút chốc bay lên trời. Chỗ đất cũ sụt xuống thành cái chằm lớn. Ngày hôm sau nhân dân nhìn không thấy nữa, cho là linh dị, liền lập miếu thờ, thường xuyên cúng tế. Đặt tên cái chằm ấy là "Nhất Dạ Trạch", bãi cát ấy là "Tự Nhiên Châu" hay "Mạn Trù Châu", cái chợ ấy là "Hà Thị" (tr.166 - 168).

Trong truyện cổ tích, nếu tước đi yếu tố huyền thoại thì ta sẽ thấy được cái lõi của lịch sử, của sự thật. Chuyện tình Tiên Dung - Đồng Tử theo tôi, là câu chuyện tình hay nhất trong thư tịch cổ nước nhà, vì nó mang được những nét rất tiến bộ. Chỉ một câu Kiều *"Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình"* ra đời sau đó hàng ngàn năm vẫn còn khiến không ít người "đạo đức" nhăn mặt, khó chịu thì ở đây, nàng Tiên Dung đã chủ động tìm đến người mình yêu, dù tin đó là "cơ duyên" do "trời khiến". Nàng dũng cảm đặt vấn đề trước, không phải bị ràng buộc bởi quan niệm "trâu tìm cột, đời nào cột tìm trâu". Tình yêu đôi lứa là một sự tự nguyện, chứ không phải theo lễ giáo "cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy" và Tiên Dung cũng không cần "môn đăng hộ đối"! Riêng chi tiết, "Tiên Dung vào trong màn cởi áo tắm rửa, dội nước làm cho cát dạt đi, lộ ra thân hình Đồng Tử", là một chi tiết gợi cảm rất hiện đại, và rất đắt giá của... nghệ thuật thứ bảy!



Một thú vị nữa, trong truyện còn cho biết vợ chồng nàng đã ăn nên làm ra, "thuận vợ thuận chồng tát biển đông cũng cạn" và nhất là biết bỏ vốn ra để... đi buôn! Những chi tiết này cùng với việc học đạo - đạo Tiên, của vợ chồng nàng, chứng tỏ truyện này ra đời từ thuở bình minh của người Việt cổ, lúc ấy đạo Phật và đạo Khổng chưa du nhập vào nước ta.

Do buôn bán giỏi nên vợ chồng Tiên Dung trở nên giàu có. Điều đáng nói là họ không bo bo làm giàu cho riêng mình, mà còn biết làm cho cả một vùng đất trở nên trù phú, thịnh vượng, thu hút dân chúng tìm đến lập nghiệp sinh sống... Làm ăn phát đạt, Chử Đồng Tử còn đem vốn liếng vượt biển đi buôn! Chứng tỏ người Việt cổ sở trường về sông nước, không chỉ phát huy để đánh giặc giữ nước mà còn tận dụng sở trường ấy để làm giàu. Hình ảnh Chử Đồng Tử phong ba nơi sóng to, gió lớn tìm đến những vùng đất xa lạ khác hoặc những thuyền thương nhân nơi xa tìm đến chợ Thám buôn bán, trao đổi hàng hóa cho thấy sự giao thương thuở ấy đã hình thành và nền thương nghiệp của người Việt cổ đã phát triển.

Liên tưởng đến truyện Mai An Tiêm, người ở nơi

hoang đảo đã đem dưa hấu do chính tay mình trồng đổi lấy lúa gạo, vật dụng với các thương nhân nước ngoài đã góp phần chứng minh sự nhận định trên là có cơ sở. Chỉ đến khi đạo Khổng du nhập vào nước ta, với quan niệm *"tước hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt, dân hữu tứ sĩ vi chi tiên"* thì nghề buôn mới bị rẻ rúng. Quan niệm lệch lạc này tồn tại hàng ngàn năm và nó chỉ thay đổi khi mà làn gió Duy tân đầu thế kỷ XX do các nhà nho cấp tiến khuấy động rầm rộ từ Nam chí Bắc.

Nếu Mai An Tiêm được nhân dân tôn là "Bố cái dưa Tây" thì Chử Đồng Tử không chỉ được tôn ông Tổ của đạo Tiên (Chử Đạo Tổ), mà còn được tôn là anh hùng khai phá (chinh phục đầm lầy, mở mang nghề nông, phát triển buôn bán... nhằm phát triển sự thịnh vượng của cộng đồng). Ta có thể khẳng định Chử Đồng Tử là thương nhân đầu tiên của nước Việt và trong tâm thức của người Việt ông còn là vị thần linh bảo hộ nghề buôn bán. "Cũng từ xa xưa, tại bến Đa Hòa nơi nhìn sang bãi Tự Nhiên bên kia sông Hồng, dân chài lưới lập một hành đài thờ Chử Đồng Tử -Tiên Dung. Các nhà buôn mỗi lần qua đây để lên Kẻ Chợ hoặc xuống Phố Hiến cất hàng, bán hàng đều dừng thuyền lên đền thờ vọng này thắp hương khấn cầu vợ chồng ngài phù hộ. Và các quan có năm không vào được Đền Hóa, tổ chức dâng hương ngay tại hành đài này. Ngôi đền nhỏ, cheo leo trên bờ sông dốc đứng nhưng ngày đêm rực rỡ



hương đăng, tấp nập khác thập phương lễ bái" (Theo *Chử Đồng Tử -Tiên Dung vùng đất và con người* - Lê Văn Ba - NXB Văn Hóa - 1994).

Tưởng nhớ ơn đức của Chử Đạo Tổ, nhân dân lập đền thờ ngài ở nhiều nơi, nhưng quần thể văn hóa thuộc làng Đa Hòa, huyện Châu Giang (Hưng Yên), cách Hà Nội hơn 20 km vẫn là nơi nổi tiếng đẹp và trang nghiêm nhất: Đền Chính (tức đền Đa Hòa vì nằm trên địa phận làng này); đền Hóa (tức đền Đền Dạ Trạch) thuộc xã Dạ Trạch, tương truyền đây là nơi ngài cùng vợ bay về trời; Bãi cát Tự Nhiên (thuộc xã Hồng Châu), khi diễn ra lễ hội nhân dân che tàn vàng lọng tía rước kiệu thờ ra đây dìm xuống nước, tưởng như xưa kia công chúa Tiên Dung vây màn tắm nơi này; Đền và lăng Thánh Phụ, Thánh Mẫu (xã Văn Đức, thôn Chử Xá) là nơi thờ ông bà thân sinh Chử Đồng Tử.

Hội làng Đa Hòa diễn ra từ hàng năm diễn ra trong 3 ngày từ ngày 10 đến ngày 15 tháng Ba âm lịch; tại làng Dạ Trạch diễn ra từ ngày 10 đến ngày 12 tháng Hai âm lịch với nhiều nghi thức trang nghiêm nhằm tưởng nhớ ơn đức của vợ chồng Chử Đồng Tử. Nhân dân tại đây còn kiêng gọi tên hoặc gọi chệch một số vị thánh thần như: tử - tải; dung - dong; tiên - tơn; man - muôn; lương - lang...

Không rõ Chử Đạo Tổ sinh và "hóa" vào ngày tháng nào, chỉ biết hiện nay tại đền Dạ Trạch chọn ngày sinh Chử Đồng Tử (12.8 âm lịch); ngày "hóa" bay về trời 17.11 âm lịch.

**2.** Qua những tài liệu đáng tin cậy này, rõ ràng từ ngàn xưa người Việt ta đã có vị "thần linh" bảo hộ cho nghề buôn bán nói chung. Thế nhưng, không hiểu sao này nay các doanh nhân ta lại không nhớ đến Chử Đồng Tử. Tại sao? Câu trả lời này xin dành cho các nhà nghiên cứu.

Hiện nay, trong tư gia hoặc cơ sở làm ăn cá thể ta thấy phổ biến nhất là thờ ông thần Tài, nhưng tượng thần Tài được người Việt thờ từ bao giờ? Các nhà nghiên cứu Nguyễn Đại Phúc - Huỳnh Ngọc Trảng đã dành nhiều công sức tìm hiểu vấn đề này, trong tập *Thần Tài tín ngưỡng và tranh tượng* (NXB Văn Hóa -1997) đã cho biết:

"Thật khó xác định được thời điểm chính xác của việc thần Tài được thờ tự ở xứ ta, nhất là khi thần Tài được hội nhập vào hệ thống thần bảo gia - tức các thần linh bảo hộ cho gia đình. Tuy nhiên, ở các giai thoại đầu thế kỷ XX, chúng ta thấy thần Tài đã được thờ trong gia đình và đã trở nên gần gũi đến mức bị người đời đem ra đùa cợt và chửi bới. Nguyễn An Cư (chú của Nguyễn An Ninh) một lương y nổi tiếng ở vùng Hóc Môn, đã viết đôi liễn dán ở chỗ thờ chung Thổ Địa, thần Tài và ông Táo rằng:

*Ít giấy hẹp hòi thờ một chỗ,*
*Giúp tôi giàu có bớ ba ông.*

(Theo Huỳnh Minh: *Gia Định xưa và nay,* tr 168)

Ông Đồ Sáu Mới (ở làng Ông Văn, huyện Chợ



Gạo - nay thuộc tỉnh Tiền Giang) là một người nhiệt tâm đóng góp tiền bạc cho phong trào Duy tân ở Nam Kỳ hồi đầu thế kỷ này. Ông sáng tác bài thơ Vịnh thần Tài nhằm phê phán những kẻ giàu có mà không xuất tiền đóng góp cho việc nghĩa lúc bấy giờ. Ở đó thần Tài đã bị Ông Đồ cho xài "tiền chẵn'':

*Đ. h. thần Tài thiệt quá ngu,*
*Người sao nhóc túi, kẻ trơn lu.*
*Vắng hoe ruột ngựa, kìa quân tử.*
*Đầy rẫy rương xe, nọ thất phu.*
*Nhà lại có thêm vàng với bạc,*
*Nước nghèo không giúp điều cùng xu.*
*Hèn chi trót kiếp lòn trôn ghế,*
*Không ló đầu ra với địa cầu.*

(Theo Huỳnh Minh: *Định Tường xưa và nay)*

"Qua các giai thoại này, chúng ta thấy thần Tài đã thờ chung với Thổ Địa không phải là trường hợp cá biệt của Nguyễn An Cư mà cả việc được thờ dưới đất cùng với Thổ Địa như trường hợp ông Đồ Sáu Mới miêu tả *"suốt kiếp lòn trôn ghế";* và dường như công năng của vị gia thần chủ về tiền tài này vẫn chưa thật sự tách khỏi tín lý phồn thực của Thổ Địa (ông Địa) - một gia thần vốn có công năng phò trợ cho gia chủ được mùa, giàu có.

"Cuối thế kỷ XIX, sự phân biệt giữa Thần Đất *(Thổ Thần)* và *Tài Thần* vẫn chưa thực sự rõ rệt. Trong *Đại Nam quốc âm tự vị* (xuất bản 1895), tác

giả Huỳnh Tịnh Của cắt nghĩa *Thổ Thần* và *Tài Thần* đều là *"Thần đất, thần giữ tiền bạc"* (Tom II, tr 336). Sự nhập nhằng xem ra vô lý này lại được thực tế công nhận: người ta thường thờ chung ông Địa và thần Tài cùng một chỗ và cứ như là hai vị thần này là một cặp đôi không thể nào tách rời được! Hiện tượng phổ biến này có nguồn gốc từ tín lý cổ xưa về thần Đất - gọi là *ông Địa, Thổ thần, Thổ địa*... Vị thần này có hai công năng: một là thần bảo hộ cho một diện tích đất đai nào đó (nền nhà, vuông vườn, xóm ấp...); và hai là tín lý sinh sản (hoa màu, nông sản...) của đất theo tín ngưỡng phồn thực. Nói cách khác Thổ địa cũng làm cho chủ nhà phát đạt, giàu có (được mùa, bội thu...). Đó là tín lý của thời nông nghiệp còn là hoạt động sản xuất chính yếu, nhưng về sau, kinh tế hàng hóa phát triển, thương nghiệp càng lúc càng có vị trí quan trọng trong hoạt động kinh tế thì tiền bạc, vàng là dấu hiệu của sự giàu có chứ không phải "lúa thiên, ruộng mẫu" thì con người cần một hình tướng mới chuyên trách cho việc phát tài: ông thần Tài. Nói tắt một lời: ông Địa, thần Tài là hai mặt của một vấn đề. Ông Địa là *lý,* thần Tài là *sự;* và hai ông thờ chung với nhau là *"lý sự viên dung"* của thời đại mà nông thương còn đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế quốc dân.

"Nói tóm lại, dựa trên tài liệu thư tịch ít ỏi nêu trên, chúng ta thấy rằng thần Tài được thờ tự từ cuối thế kỷ XIX và đến đầu thế kỳ XX đã trở nên



một gia thần phổ biến và gần gũi với các "tín đồ" của mình. Điều này xem ra có phần phù hợp với những biến đổi về kinh tế - xã hội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, giai đoạn lịch sử mà nên kinh tế hàng hóa phát triển và phong trào tranh thương đã được dấy lên bởi tầng lớp điền chủ tư sản Việt Nam, theo đó nghề nghiệp doanh thương đã không còn bị đánh giá thấp như thời phong kiến trước đó" (tr. 11-13).

Như ta đã biết, trước đó, ông thần Tài này được thờ bằng tranh vẽ và dần phổ biến nhất là thờ bằng tượng. Có một điều thú vị là tượng này được làm bằng nhiều "mẫu mã", chất liệu khác nhau, không thống nhất, màu sắc sặc sỡ trông đẹp mắt... thường được đặt ở chính phòng, mặt hướng ra ngõ. Tượng ông thần Tài phổ biến đến nỗi, ngay cả tủ bán thuốc lá bên lề đường, trên tủ kính người ta cũng chưng một ông. Và ông thần Tài này cũng dễ tính, vui vẻ vì ta thấy chủ nhân đôi lúc còn "mồi" cho một điếu lá đầu lọc cắm vào tay!

**3.** Mà muốn làm ăn, buôn bán thì phải có vốn, có tiền. Từ khi nước ta đúc tiền thì đồng tiền cũng dần dần đi vào ca dao, tục ngữ. Nếu khảo sát thì ta sẽ tìm ra những điều rất thú vị. Nay chỉ xin lướt qua. Có một loại tiền không hề có thật, chỉ xuất hiện trong truyện cổ tích nhưng đã đi vào ca dao là đồng tiền "Vạn Lịch". Chuyện rằng: Ngày xưa có một người lái buôn giàu có tên Vạn Lịch, tính hay ghen, vợ là Mai thị. Ngày kia, một người đánh giậm

đến lại bên thuyền, xin thị một miếng trầu. Đang ngủ, giật mình tỉnh giấc thấy vợ đưa trầu người khác, ngỡ là đôi bên có tình ý nên y nổi ghen đùng đùng rồi thẳng tay đuổi vợ đi. Sau, Mai thị kết duyên với người đánh giậm này. Ngày nọ, thấy đàn gà đến mổ thóc, người đánh giậm lấy những thỏi vàng trong thúng khâu của vợ ném gà, nhưng ném mạnh quá nên vàng văng luôn xuống sông! Mai thị chì chiết:

- Sao anh ngốc thế! Có biết vừa ném mất cái gì không?

Anh ta thật thà:

- Chả biết!

Mai thị càng điên tiết:

- Vàng đấy!

Anh ta cười ồ:

- Báu gì! Khi bắt cá ở vũng kia tôi thấy thứ này nhiều lắm, nhưng không biết làm gì nên vứt bỏ lại...

Nghe nói, Mai thị hối hả bảo chồng đưa đến nơi. Quả thật là vàng, trên có khắc hiệu "Vạn Lịch". Thị không ngờ đây là số vàng của người chồng cũ, do một chuyến đi buôn gặp bão, đắm thuyền... Từ đó, họ trở nên giàu có và được nhà vua phong cho chức quan thuế vụ. Ngày nọ, Vạn Lịch đến nộp thuế, không ngờ người ngồi trước án là vợ cũ của mình! Y xấu hổ quay về, làm giấy kê khai tài sản biếu cho Mai thị nói là chuộc lỗi lầm ngày xưa rồi đâm cổ tự tử. Trước cái chết này, Mai thị cũng hối



hận, tâu vua xin lấy toàn bộ tài sản của Vạn Lịch đúc một loại tiền gọi là tiền "Vạn Lịch" rồi đem phân phát cho dân nghèo.

Qua câu chuyện này có một chi tiết cho ta biết đây là những đồng tiền được đúc bằng vàng. Mà thật lạ, rầy vợ vì hiểu lầm, sau khi hiểu ra sự việc phải tự tử thì ngày nay quả... chuyện hiếm có! Nếu căn cứ vào bảy cớ "thất xuất" để rẫy vợ của thời xưa: không con; dâm dật, lười nhác; không hiếu kính, chăm sóc cha mẹ chồng; ngoa ngoắt lắm điều; trộm cắp; ghen tuông; có ác tật thì rõ ràng Mai thị bị oan nên Vạn Lịch mới có quyết định như thế chăng? Trong dân gian đến nay vẫn còn lưu truyền:

*Đồng tiền Vạn Lịch thích bốn chữ vàng*
*Anh tiếc công anh gắn bó với cô nàng bấy lâu*
*Bây giờ cô lấy chồng đâu?*
*Để anh giúp đỡ trăm cau nghìn vàng*
*Năm trăm anh đốt cho nàng*
*Còn năm trăm nữa giải oan lời thề*
*Xưa kia nói nói thề thề*
*Bây giờ bẻ khóa trao chìa cho ai?*
*Bây giờ nàng đã nghe ai*
*Gặp anh ghé nón, chạm vai chẳng chào!*

Trong lời ăn tiếng nói của dân gian có nhiều câu liên quan đến đồng tiền. Về "sức mạnh của đồng tiền" ta thấy có những câu thật ấn tượng như *"tiền đi trước, mực thước đi sau"*, *"tiền đến đâu mau đến đấy"*, *"nén bạc đâm toạc tờ giấy"*, *"đồng tiền không phấn, không hồ; đồng tiền khéo điểm khéo*

*tô mặt người", "đồng tiền như miếng thịt chín", "bố đĩ giàu, bố đĩ tiên; ông tổng không tiền, ông tổng tểnh", "có tiền mua tiên cũng được", "chẳng gì tươi tốt bằng vàng, chẳng gì lịch sự nở nang bằng tiền", "có tiền chán vạn người hầu, có bấc có dầu chán vạn kẻ khêu"*... Thậm chí:

*Vai đeo túi bạc kè kè*
*Nói phải nói quấy người nghe ầm ầm*

nhưng:

*Trong lưng chẳng có một đồng*
*Lời nói như rồng chúng chẳng thèm nghe*

Lúc *"có tiền khôn như rái, không tiền dại như vích", "có tiền khôn như mài mại, không tiền dại như đòng đong", "khôn như tiên, không tiền cũng dại; dại như chó có ló (lúa) cũng khôn"*... Vẫn biết *"đồng tiền liền khúc ruột"*, nhưng kiếm tiền bằng cách nào mới là điều đáng nói. Ông bà ta cho rằng: *"tiền buôn tiền bán thì để trong nhà; tiền cờ tiền bạc để ra ngoài đường"*, ý muốn nói tiền kiếm được từ sát phạt đỏ đen không phải là đồng tiền chính đáng, không chóng thì chày nó cũng "đội nón ra đi", không giữ lại được. Tôi từng nghe nhiều chủ "đề" tuyên bố rằng, những đồng tiền do trúng "đề" mà có, chỉ đem về xây mồ mả ông bà may ra còn giữ được, chứ trước sau cũng lọt lại vào tay chủ "đề"! Nghe mà nổi da gà!

Với những người có nhiều tiền, ta nghe ví von *"tiền dư, thóc mục", "tiền đầy gác, bạc đầy nong",*



*"tiền khối, bạc đồng", "tiền nghìn bạc vạn", "tiền rời, thóc đống", "tiền trăm, bạc chục", "tiền rong, bạc chảy"*... Còn những người phải "giật gấu vá vai" kiếm từng xu, từng cắc người ta nói "tiền hàng xáo"... Những người đi vay tiền, thông thường có tâm lý *"tiền ngắn, mặt dài"*, lo lắng không trả được nợ vì *"tiền nằm, lãi chạy", "lãi mẹ đẻ lãi con"!* Với người nghèo *"tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống"* nào là:

*Đồng ăn, đồng gửi cho chồng*
*Đồng thì lính tráng mỗi đồng mỗi ghê*
*Trông anh chẳng thấy anh về*
*Quan dài, quan ngắn gửi đi dần dần*

Trong khi đó *"tiền vào nhà quan như than vào lò"* hoặc *"ho ra bạc, khạc ra tiền"!*

Có tiền thì phải biết cách sử dụng tiền, nên đem ra kinh doanh vì *"tiền trong nhà tiền chửa, tiền ra khỏi cửa tiền đẻ"*... Cầm đồng tiền đi mua hàng phải biết lựa chọn vật dụng xứng với đồng tiền bỏ ra, chứ đừng như ai kia:

*Tiền trinh mua vội mua vàng*
*Mua phải cá thối, mua nàng ngẩn ngơ*

và khen:

*Tiền chì mua được cá tươi*
*Mua rau mới hái, mua người nở nang*

Trong mua bán phải sòng phẳng *"tiền có đồng, cá có con", "tiền trao cháo múc", "tiền trao ra, gà*

*bắt lấy", "tiền trả mạ nhổ"*, đừng quên *"rẻ tiền mặt, đắt tiền chịu"*... Ông bà ta cũng khuyên *"đồng tiền đi trước đồng tiền khôn, đồng tiền đi sau đồng tiền dại"...;* chê bai những kẻ *"ném tiền qua cửa sổ", "ném tiền xuống ao không được xem tăm"...;* chê cười những ai *"tiền buộc dải yếm bo bo; trao cho thầy bói đâm lo vào mình", "tiền không một đồng, muốn ăn hồng không hột", "tiền có ít thịt muốn nhiều", "tiêu tiền như nước"*... Vẫn biết tiền là quý, nhưng *"tiền là gạch, ngãi là vàng"*, đừng bao giờ *"tham vàng bỏ ngãi", "tiền tài, nhân ngãi tận", "tiền tài phá nhân nghĩa", "tiền của như nước thủy triều"...*

*Tiền tài nay đổi mai dời*
*Nghĩa nhân gìn giữ trọn đời với nhau*

Những lời khuyên này không bao giờ thừa. Trong tình yêu đôi lứa không ít người lâm vào cảnh *"tình nghĩa đôi ta chỉ thế thôi"* cũng chỉ vì:

*Đồng tiền chiếc đũa phân ly*
*Thiếp đi đường thiếp, chàng đi đường chàng*

Trong quan hệ tình cảm khi đã có đồng tiền lọt vào, khó mà bền vững:

*Chị em hiền thật là hiền*
*Lâm đến đồng tiền mất cả chị em*

Nếu ai cũng quan niệm *"tiền tài như phấn thổ, nhân nghĩa tợ thiên kim"*, tiền bạc như đất bụi, nhân nghĩa tựa nghìn vàng thì đâu đến nỗi...



Lướt qua đôi nét về vai trò của đồng tiền trong ca dao, tục ngữ ta thấy đồng tiền đã đóng một vai trò hết sức quan trọng. Dù cần tiền, biết tiền là quý nhưng ông cha ta cũng có thái độ rõ ràng: trọng người có nghĩa hơn là trọng người có nhiều tiền! Đó cũng là bản lĩnh và thái độ của kẻ sĩ đương thời nên trong thơ văn thi phú ta thấy ít có bài viết về đồng tiền, nếu có chăng cũng là cái nhìn khinh miệt. Chẳng hạn trong *Vịnh đồng tiền*, nhà nho tài hoa Nguyễn Công Trứ hạ bút:

*Đương om sòm, chớp giật sấm ran*
*Nghe xóc xách, lại gió hòa mưa thuận!*
*Kẻ tài bộ đã vào phường vận đạt*
*Không ngươi, cũng nát với cỏ cây!*

Nghe chua chát, đớn đau cho nhân tình thế thái khi đồng tiền đã chen vào quan hệ của đôi bên. Chính vì căm ghét đồng tiền, trong câu đố của dân gian lời lẽ thật quay quắt. Mỗi câu đọc lên cứ nghe như đang đay nghiến, chì chiết:

*Cái gì thông mà thông dốt*
*Dốt mà dốt đặc*
*Đặc mà đặc hổng*
*Hổng mà hổng vuông*
*Vuông mà vuông hình tròn*
*Tròn mà tròn dẹt?*

Viết về đồng tiền chỉ có dăm câu, không những miêu tả được hình dáng mà còn bày tỏ được thái độ miệt thị như thế quả tài tình!

Hiện nay, đồng tiền đã "biến hóa" dưới nhiều hình thức khác nhau, vì trong quá trình đóng vai trò trung gian trao đổi thì nó còn giúp cho người ta thực hiện một hoạt động đầu tư, tín dụng... Qua đó những vật thể khác cũng đóng vai trò tương tự như tiền tệ cũng đã xuất hiện là chi phiếu, thương phiếu, hóa phiếu, thẻ tín dụng v.v...

**4.** Như đã nói, muốn lao ra thương trường thì phải có vốn. *"Có bột mới gột nên hồ", "cả vốn lớn lãi"*; muốn kiếm lãi nhiều thì *"buôn tận gốc, bán tận ngọn"* chứ không qua trung gian. Thông thường những người buôn bán nhỏ, vốn ít thì họ *"buôn gánh bán bưng, "buôn thúng bán mẹt","buôn ngược bán xuôi"* thậm chí *"buôn đầu chợ, bán cuối chợ"*, tần tảo *"buôn Sở bán Tần"*, *"bán ngày làm đêm"* hoặc:

*Nửa đêm ân ái cùng chồng*
*Nửa đêm về sáng gánh gồng ra đi.*

Chưa kể gặp lúc *"chợ chưa họp, kẻ cắp đã đến"*; buôn bán đâu phải lúc nào cũng *"xuôi chèo mái mái"*, *"mua may bán đắt"* mà thất thường tùy lúc như *"buôn trầu gặp nắng, buôn đàng gặp mưa"* hoặc:

*Đắt hàng những ả cùng anh*
*Ế hàng gặp những thong manh quáng gà.*

Kiếm được đồng tiền quả cũng chảy máu con mắt. Chẳng thà như vậy, còn hơn những kẻ *"bán mồm nuôi miệng","ăn như rồng cuốn, uống như rồng leo, làm như mèo mửa"*, khoác lác một tất đến trời *"bán trời không mời Thiên lôi", "bán nắng cho trời, bán sấm cho Thiên lôi"*, huênh hoang *"buôn mây bán gió"* nhưng thực ra chả làm nên trò trống gì! Dân gian cũng chê cười những kẻ *"buôn hương bán phấn", "bán trôn nuôi miệng", "bán phấn buôn son", "bán thịt buôn người"*...

Tất nhiên, khi buôn bán thì ai cũng muốn có vốn to để buôn lớn, nhưng *"thuyền lớn thì sóng lớn"*, phải tính toán, lao tâm khổ tứ nhiều hơn:

*Ông cả nằm trên sập vàng, cả ăn cả mắc, lại càng cả lo*
*Ông bếp nằm trong xó tro, ít ăn, ít mặc, ít lo, ít làm.*

Có phải vì tâm lý này mà người Việt xưa ít có những cửa hiệu lớn, những người buôn đông bán tây *"buôn vạn bán nghìn"* chăng? Mà khi buôn bán thì không nên bán riêng lẻ, phải *"buôn có hội, bán có thuyền"* và thực tế đã cho thấy người tiêu dùng cũng muốn đến những nơi bày bán nhiều mặt hàng, dễ chọn lựa; hoặc nên chọn những địa điểm buôn bán thuận lợi như *"nhất cận thị, nhị cận giang*. Buôn bán nơi chợ, đông đúc người qua kẻ lại; gần sông, nơi tấp nập người lên kẻ xuống thì mới có thể *"buôn gặp chầu, câu gặp chỗ", "buôn một bán mười"*...

Những người buôn bán khôn ngoan, chẳng bao giờ *"mua trâu, bán chả", "mua vải, bán áo"* - nghĩa là đầu tư lớn nhưng lại thu về nhỏ giọt,

không tương xứng với món tiền lớn đã bỏ ra; hoặc buôn bán mà không biết điều nghiên thị trường, tìm hiểu sở thích của người tiêu dùng thì nào khác gì *"bán quạt mua đông, buôn hồng mùa hè"...* Có những mặt hàng mà trải qua năm tháng, người buôn bán có kinh nghiệm như *"bán gà kiêng ngày gió, bán chó kiêng ngày mưa"* vì thời tiết ấy bán không được giá... Buôn bán thì phải nghĩ đến đồng lãi, nhưng *"ăn lãi tùy chốn, bán vốn tùy nơi"*, *"trong vốn thì nài, ngoài vốn thì buông"...*

Muốn gì thì muốn, trong việc buôn bán phải biết tính toán, *"lộn con toán bán con trâu"*, *"bút sa gà chết"*; không nên *"bán bò tậu ễnh ương, bán bò mua dê về cày"*, *"mua quan tám, bán quan tư"*, *"bán cá mũi thuyền"!* Và điều quan trọng là phải biết tiết kiệm, chứ *"có đồng nào xào đồng ấy"*, *"bóc ngắn cắn dài"* thì có lúc cũng... sập tiệm, có lúc *"bán vợ đợ con"*! Ông bà ta thường dặn dò *"buôn tàu, bán bè không bằng ăn dè hà tiện"*, *"hà tiện mới giàu, cơ cầu mới có"*, *"năng nhặt chặt bị"...* Và khi đã có tiền thì phải dùng tiền nhàn rỗi đầu tư thêm cho công việc kinh doanh, vì *"tiền trong nhà tiền chửa, tiền ra cửa tiền đẻ"*, nếu cứ bo bo giữ lấy thì không khéo cũng chỉ là *"tiền dư thóc mục"*. Lại có câu mà ông bà ta cảnh giác *"buôn chung với Đức ông"*, *"tậu voi chung với Đức ông"*. Trong *Tục ngữ lược giải* của Lê Văn Hòe có giải thích: "Đức ông là tiếng nôm tôn xưng các ông Hoàng (tức anh em bà con với nhà vua) thời xưa, thế lực



dĩ nhiên là to tát lắm, nhân dân ai cũng kính sợ. Bỏ vốn buôn chung với Đức ông thì được tiếng là giao thiệp đi lại với người quyền quý, nhưng chẳng được lợi lộc gì, chỉ bị thiệt thòi, vì bao giờ cũng phải nhường Đức ông phần hơn, mình chịu phần lép. Câu này, đại ý khuyên người ta về việc giao thiệp buôn bán cần phải suy tính lợi hại thiết thực, không nên chuộng cái danh giá hão".

Ngày nay ta thường nói *"khách hàng là thượng đế"*, *"vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi"* thì trong dân gian cũng đúc kết thành kinh nghiệm quý báu: *"bán hàng chiều khách"*, *"bán rao chào khách"* phải biết hòa nhã, khéo léo *"lời nói quan tiền, thúng thóc"*, *"lời nói như ném châu, gieo vàng"*, chứ nói với khách như *"bầu dục chấm mắm cáy"*, *"ăn chưa nên đọi, nói chửa nên lời"...* thì buôn với bán làm sao thành công được! Cũng đừng quên *"bán chịu mất mối hàng"*, tốt nhất *"tiền trả mạ nhổ"*, *"tiền trao cháo múc"...* Không nên *"bán hàng nói thách, làm khách trả rẻ"* mà chỉ nên *"thuận mua vừa bán"*. Có như vậy mới giữ được khách mà *"quen mặt đắt hàng"...* Trong thương trường, đôi khi người buôn bán phải biết chấp nhận những tình huống ngoài ý muốn *"bán rẻ còn hơn đẻ lãi"*, *"bán tống bán táng"*, *"bán sấp bán ngửa"*, *"bán đổ bán tháo"*, *"chẳng được ăn cũng lăn được vốn"*, *"thà bán lỗ còn hơn xách rổ về không"...* là cũng không ngoài mục đích thu hồi đồng vốn nhanh, còn hơn là mất trắng.

Không chỉ truyền lại những kinh nghiệp trong buôn bán, mà ông bà ta còn nhấn mạnh đến đạo đức trong kinh doanh. Vẫn biết rằng, vốn liếng của mình có bao nhiêu thì mình buôn bấy nhiêu, nhưng ngặt lúc túng thì dẫu có vay nhau cũng là lẽ thường tình. Mà điều quan trọng nhất trong kinh doanh vẫn là chữ "tín":

*Mất trâu thì lại tậu trâu*
*Những quân cướp nợ có giàu hơn ai*

Muốn làm ăn lâu dài với nhau thì đừng quên *"có vay có trả mới thỏa lòng nhau".* Chị em buôn bán với nhau phải tự ý thức sự tương quan qua lại của các ngành hàng, *"có hàng tôi mới trôi hàng bà", "việc tôi không bằng bác; bánh đúc, kẹo lạc bác chẳng bằng tôi"*, chứ đừng *"hàng thịt nguýt hàng cá"* và cũng đừng *"hàng tôm hàng cá"* với nhau... Đạo đức trong kinh doanh thì nhiều, không thể chấp nhận ai đó *"treo đầu dê, bán thịt chó", "bán mướp đắng giả làm bầu", "bán mạt cưa giả làm cám"...*

Có người bán thì có người mua, *"của giữa chợ ai thích thì mua".* Mà biết mua hàng nghĩ cho cùng đó cũng là một... nghệ thuật, cũng như nghệ thuật bán hàng vậy! chứ không khéo *"tiền chinh mua cá thối".* Chỉ có những kẻ dại dột mới:

*Vàng mười chê đắt không mua*
*Mua lấy vàng bảy thiệt thua trăm đường*

Hoặc *"mua mèo trong bị", "hỏi giá trâu sau bụi*



*rậm"*... lời dặn dò này chẳng bao giờ thừa cả. Các mặt hàng phổ biến thời xưa đều được người tiêu dùng truyền đạt kinh nghiệm như:

*Mua thịt thì chọn miếng mông*
*Lấy chồng thì chọn con tông nhà nòi*
*...*
*Mua cá thì phải xem mang*
*Mua bầu xem cuống mới toan không nhầm*
*...*

Hoặc *"mua trâu xem vó, lấy vợ xem nòi*","*mua trâu xem sừng, mua chó xem chân", "mua cua xem càng, mua cá xem mang*". Thông thường, *"mua nhầm, bán không nhầm*" nên người mua khôn ngoan thường phải kì kèo, mặc cả hoặc đòi thêm thắt để có lợi cho mình *"mua thì thêm, chêm thì chặt*" là vậy. Muốn mua hàng tốt thì phải đầu buổi chợ *"của ngon ai để chợ trưa".* Khi mua thì trả tiền ngay, đừng mua chịu, vì *"rẻ tiền mặt, đắt tiền chịu"...*

Tục ngữ là túi khôn của ông cha ta, được đúc kết lại từ ngàn năm qua, chủ yếu bằng phương thức truyền miệng. Riêng trong lãnh vực kinh doanh, có những câu phản ánh tâm lý, kinh nghiệm buôn bán v.v... nhưng rất tiếc cho đến nay vẫn chưa có ai bỏ công ra sưu tập, nghiên cứu nhằm tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm quý báu ấy - dù ra đời trong một xã hội nông nghiệp, để vận dụng trong đời sống hôm nay.

**5.** Hiện nay, trên đất nước ta bên cạnh những lễ hội cổ truyền được tổ chức từ hàng ngàn năm nay, còn có những ngày truyền thống khác chỉ ra đời từ sau ngày 2.9.1945, lúc nước nhà giành được Độc lập. Ra đời gần đây nhất là Ngày thơ Việt Nam. Từ cảm hứng bài thơ Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng) của nhà thơ Hồ Chí Minh:

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên*
*Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên*
*Yên ba thâm xứ đàm quân sự*
*Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền*

dịch nghĩa:

*Rằm xuân lồng lộng trăng soi*
*Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân*
*Giữa dòng bàn bạc việc quân*
*Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền*

(Bản dịch của Xuân Thủy)

Năm 2003, lần đầu tiên Hội nhà văn Việt Nam chọn ngày rằm tháng Giêng hằng năm làm Ngày thơ Việt Nam và đã được Nhà nước chấp thuận.

Với mục đích tôn vinh những doanh nhân, doanh nghiệp biết làm ăn vì mục tiêu "Dân giàu Nước mạnh", báo *Doanh nhân Sài Gòn* số 38 (ra ngày 1420.4.2004), do bà Nguyễn Minh Hiền làm Tổng biên tập, đã chính thức khởi xướng "Ngày doanh nhân Việt". Trong bài báo có đoạn viết thống thiết:

"Sau khi tuyên bố độc lập, ngày 13.10.1945,



Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra lời kêu gọi: "Trong lúc các giới khác trong quốc dân ra sức hoạt động để giành lấy nền hoàn toàn độc lập của nước nhà, thì giới công thương phải hoạt động để xây dựng một nền kinh tế tài chính vững vàng và thịnh vượng. Chính phủ nhân dân và tôi sẽ tận tâm giúp giới công thương trong công cuộc kiến thiết này". Nhưng những diễn tiến lịch sử sau đó đã đặt giới công thương thành một loại công dân hạng hai, có khi còn bị đưa ra khỏi guồng quay xã hội như trong những ngày cải tạo công thương nghiệp 1978... và từ "doanh nhân" không có trong từ điển tiếng Việt; không đâu trên thế giới người doanh nhân lại ngại công khai tài sản như việt Nam. Tại sao?

"Một trăm năm sau ngày ra đời của phong trào Duy tân, một quốc gia từng đánh thắng những cường quốc sừng sỏ như Việt Nam vẫn nằm trong đẳng cấp những nước nghèo kém. Theo dữ liệu GDP 2002 của World Bank, 80 triệu người Việt Nam (đứng thứ 13 thế giới về dân số) chỉ làm ra một lượng tài sản trị giá hơn 35 tỷ USD. Không dám so sánh với nước cùng dân số như Đức (gần 2.000 tỷ USD), thì ngay trong khu vực có Philippines với dân số tương đương cũng làm ra được gấp đôi tài sản đó. Nhật Bản chỉ mất 23 năm để từ hoang tàn đổ nát của một nước bại trận chính thức đứng vào hàng ngũ siêu cường (1968), còn Việt Nam 30 năm hòa bình đang tụt hậu. Là một nước được thiên nhiên ưu đãi, có dầu mỏ, dân số

đông, nhân lực trẻ, chính trị ổn định, câu hỏi tại sao Việt Nam nghèo lý ra phải là "Tại sao Việt Nam không giàu?". Ước mơ "sánh vai cùng các cường quốc năm châu" đã được ba thế hệ nằm lòng từ tiểu học mà ước mơ vẫn chỉ là mơ ước, thậm chí việc sánh vai ngang hàng với láng giềng còn chưa thực hiện được. Mọi đứa trẻ Việt Nam đều có quyền được hưởng những điều kiện sống, học tập, chăm sóc sức khỏe và cơ hội thành nhân tương tự những điều kiện mà một đứa trẻ các nước phát triển có được. Nhưng ai sẽ thực hiện điều ấy nếu không là doanh giới, những người khi làm giàu cho túi tiền của mình, của công ty - xí nghiệp mình một triệu đồng thì cũng có nghĩa tài sản của cả quốc gia được cộng thêm con số một triệu? Và không gì quảng bá cho dân tộc rẻ mà hiệu quả bằng một chiếc áo sơ mi bán ở Mỹ hay chai nước mắm xuất sang Nhật Bản mang nhản "made in Vietnam".

"Thế nhưng, tính đến hết năm 2003, cả Việt Nam mới chỉ có 120.000 doanh nghiệp, tức phải 800 người mới có 1 doanh nghiệp. Tỷ lệ này ở Singapore là 4 người/DN, Úc là 21 người/DN, Trung Quốc là 200 người/DN. Cố gắng lắm, đến năm 2010 càng mới có 500.000 doanh nghiệp, tất nhiên khi ấy dân số đã khác nên tỷ lệ cũng sẽ khác. Chúng ta thường mỉm cười khi nhìn lại phía sau mình chứ cười sao nổi khi nhìn sang hai bên, bởi thế giới bên ngoài vẫn tiếp tục chuyển động về



phía trước với tốc độ ngày càng nhanh, và những bước chập chững của chúng ta trong kinh tế thị trường chẳng là gì so với tốc độ nước rút của "hàng xóm". Nhưng để có thể chạy được và chạy mỗi lúc một nhanh hơn, không chỉ cần một đôi giày tốt, không chỉ cần xuất phát đúng lúc, chọn chính xác đường chạy, mà còn cần cả những lời hò reo cổ vũ.

"Mang sự nghiệp gắn bó cùng vận mệnh dân tộc, doanh nhân Việt vẫn chưa nhận được những gì họ đáng ra phải có ở vị trí đầu sóng ngọn gió của thương trường quốc tế. Thủ tướng Phan Văn Khải từng gọi doanh nhân là "chiến sĩ của thời bình", mà đã là chiến sĩ thì rất có thể phải "hy sinh": vỡ nợ, tán gia bại sản, tù tội... Sẽ còn nhiều việc phải làm: cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, cải tiến hệ thống pháp luật... nhưng trước hết, phải xóa bỏ cho được định kiến bất công về một lớp người đang chiến đấu vì tương lai phú cường của dân tộc, mà một trong những cách làm, theo báo *Doanh nhân Sài Gòn* là chọn ra một ngày trong năm để tôn vinh họ, như chúng ta tôn vinh thầy thuốc, nhà báo, nhà giáo... bằng các ngày 27.2, 21.6, 20.11... đó là một ngày có thể lấy tên "Ngày Doanh nhân Việt Nam".

Cùng với sáng kiến tìm ngày tôn vinh doanh nhân Việt, báo *Doanh nhân Sài Gòn* đã "đề nghị chọn ngày 5.3 - ngày thành lập Công ty Liên Thành với 4 lý do: 1. Là công ty đầu tiên của người

Việt Nam; 2. Đây là biểu tượng của sự chuyển biến nhận thức trong chính tầng lớp cao nhất của xã hội (sĩ) về chức năng kinh thương; 3. Liên Thành là tổ chức kinh doanh ra đời từ ý chí tự cường của dân tộc, rất cần được tiếp nối trong thế hệ doanh gia hiện đại; 4. Liên Thành có công rất lớn trong việc giúp Nguyễn Tất Thành xuất dương trở thành nhà cách mạng Hồ Chí Minh - chứng tỏ sự góp mặt từ đầu với vai trò không thể thiếu của doanh thương Việt Nam trong tiến trình lịch sử hiện đại".

Ngoài ra cũng có nhiều ý kiến khác nhau đóng góp về việc chọn ngày Doanh nhân việt Nam. Nhân nói về Công ty nước mắm Liên Thành, mời các ban đọc lại mấy vần thơ mộc mạc của những nhà nho cấp tiến đầu thế kỷ XX mà chúng tôi vừa sưu tầm được. Không chỉ quảng cáo cho sản phẩm phục vụ cho người tiêu dùng một cách khéo léo, mà qua đó còn gửi gắm khát vọng lớn lao hơn:

*Nghiên cứu cho cùng phép vệ sinh,*
*Nhứt thời nước mắm Hội Liên Thành.*
*Muối trời Nam nọ rành tư thận,*
*Cá biển Đông kia rất bổ tinh.*
*Rưới khắp hồn mê liền tỉnh ngộ,*
*Thấm vào cốt tủy trở văn minh.*
*Bắc Nam hai ngã xưa kia thế,*
*Từ có Công ty mới mặn tình.*

Như chúng ta đã biết ngày 20.9.2004 tại Hà Nội, Thủ tướng Phan Văn Khải đã ký quyết định số 990/QĐ -TTg: "Điều 1: Hàng năm lấy ngày 13

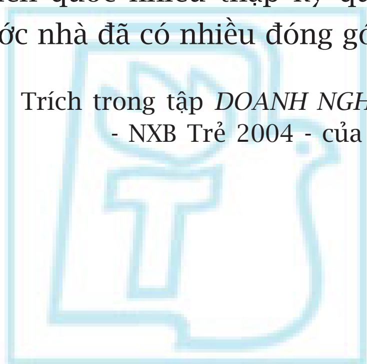


tháng 10 làm "Ngày Doanh nhân Việt Nam". Điều 2: Việc tổ chức ngày Doanh nhân Việt Nam hàng năm phải thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, tránh hình thức, bảo đảm các yêu cầu sau: -Giáo dục truyền thống yêu nước, tự cường, chủ động của đội ngũ doanh nhân, động viên phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh, nâng cao kỷ luật, đạo đức, văn hóa kinh doanh của các doanh nghiệp, doanh nhân; -Biểu dương khen thưởng bằng các hình thức thích hợp đối với các doanh nghiệp, doanh nhân kinh doanh giỏi, thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng và phát triển doanh nghiệp. Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Điều 4: Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam căn cứ các quyết định hiện hành hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định này. Điều 5: Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này".

Ngày Doanh nhân Việt Nam ra đời là một sự kiện đáng ghi nhận, nhằm phát huy vai trò, truyền thống của đội ngũ doanh nhân Việt Nam, động viên các tầng lớp xã hội trong việc góp phần xây dựng và phát triển doanh nghiệp, đội ngũ doanh

nhân ngày càng lớn mạnh, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây cũng chính là ước mơ của Bác Hồ. Ngay khi nước nhà vừa giành được độc lập, sau ngót một trăm năm nô lệ, dù đang phải lao tâm khổ trí đối phó với thù trong giặc ngoài, nhưng ngày 13.10.1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn giành thời gian quý báu để viết lời kêu gọi giới doanh thương "cùng đem vốn làm những công cuộc ích quốc lợi dân".

Thực tế đã chứng minh trong công cuộc cứu quốc và kiến quốc nhiều thập kỷ qua, giới công thương nước nhà đã có nhiều đóng góp rất to lớn.



Trích trong tập *DOANH NGHIỆP VIỆT NAM* - NXB Trẻ 2004 - của Lê Minh Quốc



## TÀI LIỆU THAM KHẢO


* SÁCH

*Việt Nam – những sự kiện lịch sử (1858-1918)* - Dương Kinh Quốc - Viện Sử học, NXB Giáo Dục - 1999.

*Việt Nam – những sự kiện lịch sử (1919-1945)* - Dương Trung Quốc - Viện Sử học, NXB Giáo dục - 2000.

*Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng* -Ngô Văn Hòa, Dương Kinh Quốc - NXB Khoa học Xã hội - 1978.

*Đông Kinh Nghĩa Thục và phong trào cải cách văn hóa đầu thế kỷ XX* - Chương Thâu - NXB Văn hóa Thông tin - 1997.

*Giai cấp công nhân Việt Nam - sự hình thành và sự phát triển của nó từ giai cấp "Tự mình" đến giai cấp "Cho mình"*- Trần Văn Giàu - NXB Sự Thật - 1958.

*Sơ thảo báo chí Hà Nội (1905-2000)* - Hội Nhà báo Hà Nội - NXB Chính trị Quốc gia - 2004.

*Lịch sử Thủ đô Hà Nội* - Trần Huy Liệu chủ biên - NXB Sử Học - 1960.

*Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* - Đại học Quốc Gia Hà Hội - NXB Chính trị Quốc gia - 1997.

*Thư tịch báo chí Việt Nam* - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh biên soạn - NXB Chính trị Quốc gia - 1998.

*Nhớ gì ghi nấy* - Nguyễn Công Hoan -NXB Hội Nhà văn - 1998.

*Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX* - Nguyễn Văn Uẩn - NXB Hà Nội - 1995.

*Lịch sử ngành in Việt Nam* - Nguyễn Lương Hoàng chủ biên - Cục Xuất bản, Bộ Văn hóa Thông tin ấn hành năm 1992.

*Nhân vật lịch sử Hải Phòng* - Sở Văn hóa Thông tin Hải Phòng - NXB Hải Phòng - 1989.

*Những người đi qua hai thế kỷ* (nhiều tác giả) - NXB Lao Động - 2003.

* BÁO, TẠP CHÍ

*Nam Phong tạp chí* (các số 29 năm 1919; số 31 năm 1931...).

*Thương mại* (số 40.2005).

*Thế giới mới* (số 21.10.1996).

*Nghiên cứu lịch sử* (số 5.2006).

*Xưa & nay* (số 4 (05)- VII.1994).

*Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh* (số Xuân 1999).

Hình ảnh minh họa trong cuốn sách này lấy từ *Nam Phong tạp chí*, từ carte poster; hoặc của Charles Peyrin, Albert Kahn, Pierre Dieulefils, Jean Noury... chụp tại Đông Dương từ nửa cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.